



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1992**/BC-UBND

Cao Bằng, ngày **30** tháng 6 năm 2025

## **BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm;  
phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025**  
(*Tài liệu phục vụ Kỳ họp thường lệ giữa năm 2025 HĐND tỉnh khóa XVII,  
nhiệm kỳ 2021-2026*)

### **Phần thứ nhất**

## **TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG NĂM 2025**

6 tháng đầu năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, xung đột quân sự ở một số khu vực chưa chấm dứt, chính sách thuế quan của Hoa Kỳ và phản ứng của các nước làm đảo lộn chuỗi cung ứng, gây nguy cơ chiến tranh thương mại và tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng đến tâm lý và niềm tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Khoa học công nghệ và các ngành, lĩnh vực mới như chip, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh...tiếp tục bứt phá. Bên cạnh đó, thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác...diễn biến cực đoan, bất thường hơn, tác động tới nhiều quốc gia, khu vực.

Trong nước, năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, cũng là năm triển khai nhiều chủ trương, quyết sách mang tính cách mạng, lịch sử để chuẩn bị củng cố các yếu tố nền tảng cho giai đoạn phát triển mới 2026-2030. Khối lượng công việc đặt ra rất lớn, thời gian cấp bách, yêu cầu ngày càng cao.

Trong khi đó, kinh tế - xã hội của tỉnh ta còn một số hạn chế, yếu kém nội tại đã kéo dài nhiều năm chưa được khắc phục triệt để như: quy mô nền kinh tế nhỏ, năng lực sản xuất hạn chế; khả năng hấp thụ vốn và sức cầu của nền kinh tế còn yếu; cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu; đời sống của một bộ phận Nhân dân vẫn còn khó khăn; an ninh biên giới, an ninh tôn giáo, an ninh mạng, tội phạm công nghệ cao... còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Những vấn đề này đã tác động mạnh đến điều hành phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

Trong 6 tháng đầu năm 2025, thực hiện chỉ đạo của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, căn



cứ tình hình và điều kiện thực tiễn của tỉnh Cao Bằng, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện quyết liệt, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với quyết tâm cao, trên cơ sở huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, sự ủng hộ, hỗ trợ của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân. Trong đó, UBND tỉnh đã ban hành và chỉ đạo thực hiện xuyên suốt, thống nhất kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 154/NQ-CP<sup>1</sup> và Nghị quyết số 02/NQ-CP<sup>2</sup> của Chính phủ với phương châm **“Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tinh gọn hiệu quả; tăng tốc bứt phá”**; tiếp tục đổi mới, sáng tạo, quyết liệt chỉ đạo, điều hành trên các lĩnh vực công tác; tổ chức cho các tầng lớp nhân dân đón tết Nguyên đán Ất Tỵ 2025 đảm bảo vui tươi, lành mạnh, an toàn và chỉ đạo các sở, ngành địa phương tập trung giải quyết các công việc, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm ngay sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán; ban hành và chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tập trung chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên; ban hành và điều chỉnh kịch bản tăng trưởng 8% theo tinh thần Nghị quyết số 25/NQ-CP; tổng kết 03 chương trình trọng tâm, 03 nội dung đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, các Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX; thực hiện quyết liệt các giải pháp tăng thu ngân sách nhà nước; khẩn trương triển khai các công việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã, xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đảm bảo chính quyền 02 cấp đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025; tập trung quán triệt và tổ chức thực hiện 04 Nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị là “Bộ tứ trụ cột” về khoa học - công nghệ, hội nhập quốc tế, đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, phát triển kinh tế tư nhân; chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao các chỉ số PCI, PAR-INDEX, SIPAS, PAPI; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành mục tiêu Chương trình hỗ trợ xoá nhà tạm, nhà dột nát; triển khai đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân; tăng cường hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.... Qua đó, kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục ổn định và tăng trưởng, đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực.

---

<sup>1</sup> Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 BCH Đảng bộ tỉnh khóa XIX về mục tiêu và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2025; Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 BCH Đảng bộ tỉnh khóa XIX về mục tiêu và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2025.

<sup>2</sup> Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025



## II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH, QUỐC PHÒNG AN NINH 6 THÁNG NĂM 2025

### 1. Tình hình thực hiện trên từng lĩnh vực

#### 1.1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)

Theo công bố của Cục Thống kê, GRDP Quý I/2025 của tỉnh Cao Bằng ước tăng 6,01% so với cùng kỳ - đây là mức tăng trưởng cao nhất so với Quý I các năm trong giai đoạn 2020-2025, cao hơn 2,31 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2024 (3,7%), tuy nhiên, vẫn thấp hơn 0,87 điểm phần trăm so với kịch bản tăng trưởng Quý I của tỉnh đã đề ra<sup>3</sup> (6,88%); xếp hạng 12/14 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, đứng thứ 55/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Trong đó: Khu vực Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản tăng 1,96% (đóng góp 0,32 điểm % vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế), vượt kịch bản 1,19 điểm %; Công nghiệp và Xây dựng tăng 6,84% (đóng góp 1,07 điểm %), phục hồi mạnh mẽ so với mức giảm cùng kỳ (-14,42%); Dịch vụ tăng 6,83% (đóng góp 4,35 điểm %), thấp hơn kịch bản 3,04 điểm %; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,09% (đóng góp 0,27 điểm %), thấp hơn kịch bản 3,63 điểm %.

Cơ cấu nền kinh tế Quý I/2025 chuyển dịch tăng trong khu vực công nghiệp (+1,78 điểm %), giảm trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (-0,44 điểm %) và dịch vụ (-1,11 điểm %)<sup>4</sup>. Trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 16,72%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 18,44% (công nghiệp chiếm 13,04%; xây dựng chiếm 5,4%); khu vực dịch vụ chiếm 60,62%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,41%.

Kết quả tăng trưởng kinh tế Quý I/2025 mặc dù cao so với cùng kỳ các năm trước nhưng chưa đạt mục tiêu đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do: các động lực tăng trưởng chưa có sự bứt phá rõ nét; khả năng hấp thụ vốn và sức cầu của nền kinh tế còn yếu; hoạt động sản xuất kinh doanh trong một số ngành, lĩnh vực đặc biệt là công nghiệp chế biến chế tạo, dịch vụ vận tải còn khó khăn; tỷ lệ giải ngân đầu tư công thấp hơn cùng kỳ... Bên cạnh đó, do kịch bản ban đầu được xây dựng trên các số liệu ước tính, chất lượng dự báo các chỉ tiêu tăng trưởng trong các khu vực kinh tế bộc lộ hạn chế, chưa sát với diễn biến thực tế nên ảnh hưởng đến việc hoàn thành kịch bản tăng trưởng quý I.

Trên cơ sở kết quả tăng trưởng kinh tế Quý I/2025, yêu cầu tăng tốc phát triển trong quý II/2025 và các tháng còn lại năm 2025 để đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm 8%, UBND tỉnh đã điều chỉnh kịch bản tăng trưởng năm 2025 để phù hợp với diễn biến tình hình thực tiễn; theo đó, điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng năm 2025 trong các khu vực kinh tế như sau:

<sup>3</sup> Kịch bản tăng trưởng tại Kế hoạch số 823/KH-UBND ngày 25/3/2025 của UBND tỉnh

<sup>4</sup> Quý I/2024: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 17,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 16,66%; khu vực dịch vụ chiếm 61,73%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,44%.



- Giữ nguyên tốc độ tăng trưởng Khu vực Nông - Lâm nghiệp và Thủy sản 3,3% như kịch bản ban đầu;

- Điều chỉnh tăng mục tiêu tăng trưởng Khu vực Công nghiệp và Xây dựng từ 11,91% lên 12,97% (tăng 1,06% so với kịch bản ban đầu). Trong đó: Lĩnh vực công nghiệp: điều chỉnh giảm mục tiêu tăng trưởng từ 12,9% xuống 7,14%; lĩnh vực xây dựng: điều chỉnh tăng mục tiêu tăng trưởng từ 10,5% lên 21,1%.

- Điều chỉnh giảm mục tiêu tăng trưởng Khu vực Dịch vụ từ 8,5% xuống 8,24%.

- Điều chỉnh giảm mục tiêu tăng trưởng Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm từ 8,6% xuống 7,75%.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, tỉnh Cao Bằng phấn đấu thực hiện mục tiêu GRDP tăng 7,8% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản tăng 4,45%; Công nghiệp và Xây dựng tăng 10,29%; Dịch vụ tăng 8,39%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,58%.

### ***1.2. Lĩnh vực Sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới***

UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương tranh thủ thời tiết thuận lợi chuẩn bị đất, vật tư sản xuất vụ Xuân, ưu tiên sử dụng giống cây trồng mới, ngắn ngày, năng suất cao; rà soát diện tích đất nông nghiệp chưa sử dụng hoặc hiệu quả thấp để chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp, nâng cao hiệu quả kinh tế; chủ động theo dõi, phòng trừ sâu bệnh, dịch hại trên cây trồng; tăng cường phát triển chăn nuôi, triển khai các biện pháp phòng, chống đói rét, dịch bệnh cho đàn vật nuôi; đôn đốc việc di dời chuồng trại ra khỏi gầm sàn nhà, tăng cường thực hiện Nghị quyết số 44/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; tập trung triển khai nhiệm vụ trồng rừng, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng trong điều kiện thời tiết khô hạn; tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm Luật Lâm nghiệp. Đồng thời, đôn đốc thực hiện các nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các dự án liên kết theo chuỗi giá trị. Kết quả cụ thể như sau:

#### ***- Trồng trọt:***

Trước tình hình thời tiết khô hạn kéo dài những tháng đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành Nông nghiệp tăng cường kiểm tra các công trình thủy lợi, hồ chứa nước, chỉ đạo cấp đủ nước tưới cho sản xuất vụ Xuân; hướng dẫn Nhân dân chăm sóc cây trồng đúng quy trình kỹ thuật; phòng trừ sâu bệnh hại, kịp thời chuyển đổi cây trồng trên diện tích kém hiệu quả, chủ động chuyển sang trồng các loại cây cạn sử dụng ít nước; trồng dặm, trồng bổ sung những diện tích cây trồng bị chết hoặc mọc không đảm bảo. Tuy nhiên, bên cạnh một số cây trồng có diện tích và sản lượng vượt kế hoạch và tăng so với cùng kỳ như thuốc lá, dong



riêng và khoai tây<sup>5</sup>, phần lớn các cây trồng khác như lúa xuân, ngô xuân, lạc xuân, đỗ tương xuân đều ghi nhận diện tích giảm và không đạt kế hoạch đề ra<sup>6</sup>. Sản lượng lương thực có hạt 6 tháng đầu năm ước đạt 113.660/123.591,07 tấn, bằng 91,9% kế hoạch, giảm 10,81% so với cùng kỳ năm 2024.

Đối với cây lâu năm, các địa phương tập trung thu hoạch các loại cây ăn quả phục vụ tiêu dùng và thị trường như mận, dứa, chuối, ổi, mít... Đồng thời, đẩy mạnh cải tạo vườn, chăm sóc cây sau thu hoạch, loại bỏ cây già cỗi, năng suất thấp; tiếp tục phát triển cây trồng đặc hữu của tỉnh như cây lê, cây dẻ<sup>7</sup>,...

Công tác phòng trừ sâu bệnh được chỉ đạo sát sao, triển khai hiệu quả; tình hình sâu bệnh phát sinh trên địa bàn phổ biến ở mức nhẹ đến trung bình<sup>8</sup>, đã được phát hiện, xử lý kịp thời, hạn chế thiệt hại, góp phần bảo vệ năng suất cây trồng.

- *Chăn nuôi*: Trong 6 tháng đầu năm, tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi như tụ huyết trùng, tiêu chảy, phân trắng, tả lợn châu Phi... xảy ra nhỏ lẻ, rải rác tại một số địa phương và tiềm ẩn nguy cơ bùng phát<sup>9</sup>, UBND tỉnh đã chỉ đạo tiêm phòng vắc xin đợt 1/2025 cho đàn gia súc, gia cầm<sup>10</sup>, nhờ đó tổng đàn cơ bản ổn định, sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng nhẹ so với cùng kỳ. Tính đến thời điểm báo cáo, tổng đàn trâu có 104.787 con (giảm 1,5% so với cùng kỳ), sản lượng ước

<sup>5</sup> **Thuốc lá** trồng được 6.594,95 ha, đạt 131,6% KH, tăng 26,4% so với CK; năng suất ước đạt 27 tạ/ha (103% KH, tăng 0,6% so với CK); sản lượng ước đạt 17.804,72 tấn (139,2% KH, tăng 28% so với CK). **Đong riềng** trồng được 1.595,14ha, đạt 176% KH, tăng 110,5% CK; năng suất ước đạt 554 tạ/ha (102% KH, tăng 2,7% CK); sản lượng đạt 88.370,76 tấn (179,6% KH, tăng 116,2% CK). **Khoai tây** trồng được 140,25/98 ha, đạt 143,1% KH, tăng 42,4% CK; năng suất ước đạt 150,98 tạ/ha (100% KH, giảm 5,5% CK); sản lượng ước đạt 2.117,49 tấn (142,7% KH, tăng 34,6% CK)

<sup>6</sup> Sản xuất vụ xuân năm 2025: **Lúa xuân** gieo cấy 3.567ha, đạt 97,8% kế hoạch (KH); giảm 2,9% so với cùng kỳ (CK) năm 2024; năng suất ước đạt 52,57 tạ/ha (100% KH, tăng 1,4% so với CK); sản lượng ước đạt 18.722,23 tấn (97,7% KH, giảm 1,7% so với CK). **Ngô xuân** trồng được 23.249 ha, đạt 93,7% KH, giảm 6,5% so với CK; năng suất ước đạt 41,66 tạ/ha (99% KH, tăng 3,9% so với CK); sản lượng ước đạt 94.938,35 tấn (90,9% KH, giảm 4,8% so với CK). **Đỗ tương xuân** trồng được 314 ha, đạt 72,5% KH, giảm 29,4% so với CK; năng suất ước đạt 9,79 tạ/ha (100% KH, tăng 7,4% so với CK); sản lượng ước đạt 295,27 tấn (68,1% KH, giảm 27,2% so với CK). **Lạc xuân** trồng được 267 ha, đạt 80,9% KH, giảm 20,3% so với CK; năng suất ước đạt 13,21 tạ/ha (100% KH, tăng 3,61% so với CK); sản lượng ước đạt 320,13 tấn (73,4% KH, giảm 25% so với CK).

**Mía** trồng được 2.397,92 ha, đạt 83,5% KH, giảm 3,4% CK; năng suất ước đạt 677 tạ/ha (100,3% KH, tăng 0,03% CK); sản lượng ước đạt 162.339,18 tấn (83,73% KH, giảm 3,4% CK). **Sắn** trồng được 2.681,91ha, đạt 84,4% KH, giảm 4,4% CK; năng suất ước đạt 149,06 tạ/ha (100% KH, giảm 2% CK); sản lượng ước đạt 39.976,55 tấn (84,4% KH, giảm 6,3% CK). **Thạch đen** trồng được 285ha, đạt 50% KH, giảm 43,2% CK; năng suất ước đạt 57,48 tạ/ha (100% KH, tăng 0,4% CK); sản lượng ước đạt 1.638,18 tấn (50% KH, giảm 42,9% CK). **Cỏ chăn nuôi** trồng được 786,5ha, đạt 44,7% KH, 54,1% CK; năng suất ước đạt 378,76 tạ/ha (100% KH, giảm 3,7% CK); sản lượng ước đạt 29.789,47 tấn (44,7% KH, giảm 47,9% CK). **Gừng trâu** trồng được 160,5ha, đạt 83,3% KH, giảm 2,8% CK; năng suất ước đạt 185,96 tạ/ha (100% KH, tăng 5,4% CK); sản lượng ước đạt 2.984,66 tấn (83,3% KH, tăng 2,5% CK).

<sup>7</sup> **Cây Lê**: trồng mới được 11,5 ha (Trong đó: Huyện Trùng Khánh 5 ha; Thạch An 1,5 ha; Bảo Lạc 5 ha) bằng 10% Kế hoạch, nâng tổng diện tích Lê của toàn tỉnh lên 495,8 ha. **Cây Dẻ** trồng mới được 15 ha (Tại huyện Trùng Khánh), bằng 9,38 % Kế hoạch, nâng tổng diện tích Lê của toàn tỉnh lên 804,21 ha.

<sup>8</sup> Trên cây ngô xuân ghi nhận các loại sâu gây hại như sâu xám, sâu keo mùa thu; cây thuốc lá bị ảnh hưởng bởi sâu xanh, rệp, bệnh sương mai, xoắn lá và thối nhũn do vi khuẩn; cây rau xuất hiện sâu xanh, rệp, bọ nhảy, bệnh sương mai, sâu khoang và bệnh thối nhũn,...

<sup>9</sup> Trong kỳ báo cáo, ghi nhận 41 con trâu, bò mắc Tụ huyết trùng (chết 6 con); 101 con mắc các bệnh khác như tiêu chảy, phân trắng bê nghé (chết 1 con). Đàn lợn xuất hiện 26 ổ dịch Tả lợn châu Phi buộc tiêu hủy 2.970 con (127.203 kg) tại 97 xóm/25 xã của 06 huyện, thành phố (gồm Hòa An, Bảo Lạc, Bảo Lâm, Thạch An, thành phố Cao Bằng, Nguyên Bình), hiện còn 25 ổ dịch chưa qua 21 ngày. Một số bệnh khác như tụ huyết trùng, tiêu chảy, viêm phổi vẫn xảy ra rải rác. Dịch bệnh trên gia cầm nhẹ, thiệt hại không đáng kể.

<sup>10</sup> Đến nay, toàn tỉnh tiêm được 305.049/764.550 liều, đạt 40% KH.



đạt 960 tấn (tăng 1% so với cùng kỳ); tổng đàn bò có 101.385 con (giảm 0,5% so với cùng kỳ), sản lượng ước đạt 1.173 tấn (tăng 1,8% so với cùng kỳ)<sup>11</sup>; tổng đàn lợn có 349.529 con (tăng 3% so với cùng kỳ), sản lượng ước đạt 15.168 tấn (tăng 2,2% so với cùng kỳ)<sup>12</sup>; tổng đàn gia cầm có 3.146 nghìn con (tăng 2% so với cùng kỳ), sản lượng ước đạt 3.278 tấn (tăng 2,8% so với cùng kỳ).

- *Lâm nghiệp*: Công tác phát triển rừng được triển khai tích cực ngay từ đầu năm. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành chủ động tổ chức phong trào “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” nhân dịp Xuân Ất Tỵ gắn với tăng cường thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng năm 2025. Tuy nhiên, do thời tiết những tháng đầu năm khô hạn nên diện tích trồng rừng mới giảm mạnh, tổng diện tích trồng rừng mới tập trung 5 tháng<sup>13</sup> đầu năm được 305,1 ha, giảm 77,7% so với cùng kỳ; số cây lâm nghiệp trồng phân tán ước trồng được 131,16 nghìn cây, giảm 19% so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động khai thác rừng đạt kết quả khả quan, với tổng khối lượng khai thác gỗ 6 tháng đầu năm đạt 11.412,722m<sup>3</sup>, tăng 23,8% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm pháp luật về lâm nghiệp có xu hướng gia tăng, với 236 vụ vi phạm được phát hiện (tăng 93,3% so với cùng kỳ); đã xử lý 184 vụ, trong đó có 76 vụ xử phạt hành chính và 109 vụ xử lý hình sự. Diện tích rừng bị giảm ước tính 105,21 ha, cao gấp 8,9 lần so với cùng kỳ năm trước (trong đó: diện tích rừng giảm phần lớn là do cháy rừng với 79,352 ha<sup>14</sup>; còn 25,858 ha do phá rừng, lấn chiếm rừng). UBND tỉnh đã ban hành Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện 16 dự án với tổng diện tích 94,59 ha; tổ chức thực hiện chi trả tiền Dịch vụ môi trường rừng năm 2024 theo kế hoạch, tổng thu từ dịch vụ môi trường rừng đạt hơn 3,8 tỷ đồng.

- *Thủy sản*: Trong kỳ báo cáo, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh được duy trì ổn định, các hộ nuôi trồng tập trung vào chăm sóc, thu hoạch sản phẩm phục vụ nhu cầu thị trường; nhiều hộ dân đã chủ động thu hoạch sớm để hạn chế rủi ro do hạn hán. Tổng sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 272,1 tấn, tăng 1% so với cùng kỳ năm trước.

- *Công tác xây dựng nông thôn mới* tiếp tục được quan tâm triển khai, tuy nhiên tiến độ thực hiện các mục tiêu còn chậm. Trong kỳ báo cáo, toàn tỉnh chưa có thêm xã nào đạt chuẩn theo chỉ tiêu kế hoạch giao tại Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025<sup>15</sup>; chưa có đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng

<sup>11</sup> Tổng đàn trâu, bò có xu hướng giảm do hiện nay người dân sử dụng máy móc thay thế sức kéo, diện tích chăn thả thu hẹp, giá thịt hơi thấp nên người dân xuất bán và không tái đàn trở lại.

<sup>12</sup> Đàn lợn tăng lên là do hiện nay giá lợn hơi có xu hướng tăng khá cao, thúc đẩy người dân mở rộng đầu tư chăn nuôi.

<sup>13</sup> Đánh giá theo số liệu ước thực hiện 5 tháng đầu năm 2025 theo báo cáo của Chi cục Thống kê tỉnh. đến thời điểm báo cáo chưa có số liệu cập nhật tháng 6 và 6 tháng. Lý do: Cục Thống kê điều chỉnh thời gian công bố số liệu thống kê theo Nghị định 62/NĐ-CP.

<sup>14</sup> Trong kỳ báo cáo, toàn tỉnh đã xảy ra 79 vụ cháy rừng. Tổng diện tích cháy (bao gồm diện tích có rừng, thảm cỏ và cây bụi) là 144,6 ha; trong đó diện tích có rừng 75,45 ha. Nguyên nhân chủ yếu là do thời tiết khô hạn kéo dài, ngay khi phát hiện các vụ cháy thì chính quyền địa phương đã huy động các lực lượng chức năng và nhân dân khu vực để tổ chức dập lửa.

<sup>15</sup> Theo kế hoạch đề ra, trong năm 2025 tăng thêm ít nhất 13 xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới



nông thôn mới, vẫn còn 2 huyện “trắng” xã nông thôn mới (Nguyên Bình, Bảo Lâm), bình quân đạt 10,68 tiêu chí/xã và không còn xã dưới 5 tiêu chí. Tuy chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao hoặc kiểu mẫu, nhưng toàn tỉnh có 28 xóm đạt chuẩn nông thôn mới và 7 xóm đạt nông thôn mới kiểu mẫu, chủ yếu tập trung tại thành phố Cao Bằng và huyện Hoà An.

Công tác di dời chuồng trại ra khỏi gầm sàn nhà tiếp tục được đẩy mạnh, tuy nhiên tiến độ di dời còn chậm, nguyên nhân chủ yếu do thiếu quỹ đất phù hợp, điều kiện kinh tế của nhiều hộ dân còn khó khăn, giá vật liệu xây dựng cao, cùng với tập quán, thói quen của người dân thường di dời vào thời điểm cuối năm. Tính đến ngày 15/6/2025, tổng số hộ đã thực hiện di dời là 409/1.042 hộ, đạt 39,2% kế hoạch (chiếm 39,3%); số hộ chưa thực hiện di dời là 633/1.042 hộ (chiếm 60,7%). Về kết quả thực hiện Nghị quyết số 44/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh, có 228/399 cơ sở đã ký cam kết dừng hoạt động chăn nuôi (chiếm 57,1%), trong đó 124/399 cơ sở đã di dời xong (chiếm 31,1%), 171 cơ sở chưa nhất trí ký cam kết (chiếm 42,8%).

Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được đẩy mạnh triển khai, các sản phẩm ngày càng được đổi mới và nâng cao về chất lượng, từng bước khẳng định giá trị và chất lượng trên thị trường. Toàn tỉnh hiện có 171 sản phẩm, trong đó 12 sản phẩm đạt 4 sao, 159 sản phẩm đạt 3 sao, và chỉ có một sản phẩm tiềm năng đạt 5 sao. Các sản phẩm chủ yếu thuộc nhóm thực phẩm, đồ uống, thủ công mỹ nghệ và dịch vụ du lịch cộng đồng. Các chủ thể thực hiện bao gồm 117 đơn vị, trong đó có 27 hợp tác xã, 10 tổ hợp tác, 7 doanh nghiệp, và 73 hộ sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh và các cấp, các ngành tiếp tục thực hiện nội dung đột phá về nông nghiệp thông minh và phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa đặc hữu gắn với chế biến; triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, với 130 kế hoạch hỗ trợ từ các năm trước tiếp tục thực hiện trong năm 2025.

### ***1.3. Lĩnh vực Công nghiệp - Xây dựng***

Nhìn chung, trong 6 tháng đầu năm, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn. Một số ngành sản xuất trọng điểm như sản xuất kim loại, sản xuất và phân phối điện sụt giảm về sản lượng: Sản lượng phôi thép giảm sâu 36,1% so với cùng kỳ năm 2024, nguyên nhân do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng, thiếu nguyên liệu đầu vào và Nhà máy Gang Thép tạm dừng hoạt động để bảo trì, vệ sinh môi trường từ tháng 4 đến đầu tháng 5, bên cạnh đó, khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ chưa thể khai thác, làm gián đoạn nguồn nguyên liệu; sản xuất điện những tháng đầu năm giảm do thời tiết khô hạn và tăng trở lại từ cuối tháng 5 khi bước vào mùa mưa, tuy nhiên vẫn còn 01 nhà máy thủy điện tạm ngừng hoạt động<sup>16</sup>, ảnh hưởng tới tổng sản lượng điện phát. Mặc dù vậy, một số ngành sản xuất vẫn có tín hiệu phục hồi tích cực so với cùng kỳ năm trước như: Quặng mangan và tinh quặng

<sup>16</sup> Nhà máy thủy điện Thân Giáp dừng phát điện từ ngày 18/01/2025 đến nay do Công ty TNHH Trường Minh không có chi phí để duy trì sản xuất và trả lương cho công nhân vận hành.



mangan tăng 71,8%; Fero mangan các loại tăng 36,6%; Tinh quặng Niken đồng tăng 2,6%,...Giá trị sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm ước đạt 2.929,67 tỷ đồng, đạt 36,7% KH, giảm 11,2% so với cùng kỳ.

Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp các huyện, thành phố có xu hướng giảm do quy mô nhỏ, năng lực sản xuất hạn chế, thị trường tiêu thụ hẹp; 6 tháng đầu năm ước đạt 328,26 tỷ đồng, bằng 28,4% kế hoạch, giảm 16,4% so với cùng kỳ.

Các nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh được tập trung triển khai theo quy định của pháp luật. UBND tỉnh tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025; chỉ đạo ngành Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động, môi trường trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh; cập nhật, công bố chỉ số giá vật liệu xây dựng quý I năm 2025 trên địa bàn thành phố Cao Bằng; tăng cường quản lý năng lực hành nghề xây dựng; tổ chức thẩm định dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp theo phân cấp; hướng dẫn, kiểm tra công tác thẩm định, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng theo quy định của pháp luật.

#### **1.4. Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ**

##### **- Thương mại:**

Hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng diễn ra sôi động và nhộn nhịp. Trong các dịp nghỉ lễ (Tết Nguyên đán, nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương, nghỉ lễ ngày Chiến thắng 30/4 và ngày Quốc tế lao động 01/5), có nhiều sự kiện và hoạt động diễn ra trên địa bàn tỉnh nên nhu cầu liên hoan, du lịch, vui chơi giải trí và sử dụng dịch vụ của người dân tăng cao. Bên cạnh đó, các chương trình kích cầu, kết nối, xúc tiến thương mại<sup>17</sup> đã thúc đẩy sản xuất, giúp các nhà sản xuất kết nối với hệ thống phân phối và người tiêu dùng đã tác động tích cực đến doanh thu các hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Tính chung 6 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ước đạt 6.773,36 tỷ đồng, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước, đạt 50,7% KH<sup>18</sup>.

Tình hình thị trường trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, hàng hóa lưu thông thông suốt, nguồn cung hàng hóa dồi dào, đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng của Nhân dân, không xảy ra hiện tượng thiếu hụt, đầu cơ, găm

<sup>17</sup> Tiếp tục vận hành hiệu quả và nghiên cứu tích hợp ba nền tảng: Cổng thông tin thương mại điện tử (caobangtrade.vn), phần mềm hội chợ trực tuyến (caobang.ifair.vn) và bản đồ phân phối hàng Việt (caobang.etix.vn). Từ ngày 01-13/5/2025, ba nền tảng đăng tổng cộng 9 tin bài; caobangtrade.vn có 140 gian hàng, 249 sản phẩm; caobang.etix.vn đạt 1.006 lượt truy cập trong kỳ (tổng 66.441 lượt truy cập). Từ vấn, hỗ trợ trên 70 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia 3 hội chợ ngoài tỉnh (Đà Nẵng, miền Trung – Tây Nguyên, Hà Nội) và 1 hội chợ quốc tế (Hà Lan, Bỉ). Tổ chức tham gia 2 hội chợ: OCOP Thái Nguyên (28/4-04/5) và OCOP Quảng Ninh (29/4-04/5). Khảo sát nhu cầu hỗ trợ điểm bán hàng OCOP, sản phẩm đặc trưng. Triển khai Chương trình MTQG vùng đồng bào DTTS&MN: tổ chức Phiên chợ giới thiệu, quảng bá sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Cao Bằng năm 2025 (từ 02-03/5/2025) và Tuần hàng tại TP. Hồ Chí Minh từ 16-18/5/2025.

<sup>18</sup> Trong đó: So với cùng kỳ năm trước, Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 5.210,7 tỷ đồng, tăng 14,5%; Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 1.122,715 tỷ đồng, tăng 14,76%; Doanh thu dịch vụ lưu hành ước đạt 14,105 tỷ đồng, tăng 77%; Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 425,837 tỷ đồng tăng 11,4%.



hàng, tăng giá bất hợp lý để thu lợi bất hợp pháp. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 5 tháng đầu năm tăng 2,09% so với cùng kỳ, một số nhóm hàng hóa, dịch vụ có biến động nhẹ<sup>19</sup> nhưng không ảnh hưởng lớn đến tâm lý người tiêu dùng.

Hoạt động xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn diễn ra tại các cửa khẩu: Tà Lùng, Trà Lĩnh, Sóc Giang với một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như: Hàng thủy sản, rau quả, hạt điều,... và một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu gồm: ô tô các loại, than cacbon, công cụ dụng cụ, bia liquan,... Từ ngày 01/01/2025 đến 15/6/2025, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (bao gồm cả kim ngạch giám sát) qua địa bàn tỉnh là 676,32 triệu USD, đạt 75,1% KH, tăng 51,9% so với cùng kỳ năm trước<sup>20</sup> (trong đó, riêng kim ngạch hàng hóa mở tờ khai đạt 523,9 triệu USD, đạt 73,8% KH HĐND tỉnh giao, tăng 49,7% so với cùng kỳ năm trước). Ước đến hết tháng 6/2025, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (bao gồm cả kim ngạch giám sát) qua địa bàn tỉnh khoảng 721,895 triệu USD, đạt 80,2% KH, tăng 42,7% so với cùng kỳ năm trước.

Công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại được đẩy mạnh. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành, các lực lượng chức năng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu, đặc biệt là tại các khu vực tiềm ẩn rủi ro về buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trên địa bàn tỉnh; tập trung triển khai đợt cao điểm đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 65/CĐ-TTg ngày 15/5/2025. Trong tháng 6, đã kiểm tra và xử lý 11 vụ với tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 100,2 triệu đồng, buộc tiêu hủy tang vật vi phạm trị giá 42,29 triệu đồng và tịch thu tang vật trị giá 15,71 triệu đồng. Tính chung 6 tháng, đã kiểm tra 157 vụ, giảm 54,5% so với cùng kỳ năm 2024. Tổng số vụ xử lý là 162 vụ, giảm 11,5% so với cùng kỳ năm 2024. Tổng số tiền xử lý vi phạm hành chính nộp ngân sách nhà nước là 2.210,141 triệu đồng, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2024.

- *Dịch vụ vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải:* Hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân. Toàn tỉnh hiện có 35 đơn vị kinh doanh vận tải với trên 560 phương tiện (bao gồm: 167 xe khách tuyến cố định; 28 xe hợp đồng; 225 xe taxi (100 xe taxi điện); 23 xe buýt và gần 120 xe tải và xe đầu kéo,...). Doanh thu vận tải 6 tháng ước đạt khoảng 230 tỷ đồng, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2024, mặc dù mức tăng không lớn, nhưng kết quả trên cho thấy ngành vận tải địa phương tiếp tục phục hồi ổn định sau giai đoạn khó khăn do giá nhiên liệu và chi phí vận hành tăng cao, đồng thời ghi nhận tín hiệu tích cực trong việc chuyển đổi sang phương tiện thân thiện môi trường (đã đưa vào hoạt động 100 xe taxi điện).

<sup>19</sup> Trong đó: 07/11 nhóm có chỉ số giá tăng, mức tăng cao nhất là thuốc và dịch vụ y tế (+15,55%), kế đến là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+7,68%). Ngược lại, 04/11 nhóm có chỉ số giá giảm gồm: giáo dục (-20,21%); giao thông (-6,35%), văn hoá, giải trí và du lịch (-0,21%) và bưu chính viễn thông (-0,19%). Ngoài ra, Chỉ số giá vàng (+40,94%), Chỉ số giá Đô la Mỹ (3,49%),...

<sup>20</sup> Trong đó: Kim ngạch nhập khẩu 185,6 triệu USD, tăng 96,4% so với cùng kỳ năm 2024; Kim ngạch xuất khẩu 338,3 triệu USD, tăng 32,4% so với cùng kỳ năm 2024; Giá trị giá hàng giám sát, tạm nhập tái xuất 152,4 triệu USD, tăng 60,4% so với cùng kỳ năm 2024.



- Các loại hình dịch vụ khác như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục... hoạt động ổn định, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của nhân dân và doanh nghiệp<sup>21</sup>...

### **1.5. Cải cách hành chính; cải thiện, nâng cao năng lực cạnh tranh và khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể**

- Công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2025 tiếp tục được đẩy mạnh. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện chương trình CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 để rút ra bài học kinh nghiệm, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh CCHC nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh; công bố chỉ số CCHC năm 2024 đối với 20 sở, cơ quan ngang sở, 10 huyện, thành phố; tái kiểm tra CCHC đối với 09 cơ quan, đơn vị, địa phương; chỉ đạo rà soát các thủ tục hành chính (TTHC) có phát sinh hồ sơ, đề xuất cắt giảm nhằm bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu theo Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ (giảm tối thiểu 30% thời gian xử lý TTHC, 30% chi phí tuân thủ và bãi bỏ 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết); triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia là điểm “một cửa số”, đồng thời hoàn thành kiểm thử, tích hợp và cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh trên Cổng trong tháng 6/2025. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC được nâng cấp đồng bộ, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến liên tục, thông suốt trong quá trình tổ chức, sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp.

Ngày 06/4/2025, Bộ Nội vụ đã công bố kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC (PAR INDEX) năm 2024 của 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Theo kết quả công bố, Chỉ số CCHC năm 2024 của tỉnh Cao Bằng đạt 82,95% (giảm 03 bậc so với năm 2023) và xếp hạng 63/63 tỉnh, thành phố<sup>22</sup>; một số lĩnh vực CCHC có sự cải thiện chậm, thậm chí là giảm mạnh về thứ bậc<sup>23</sup>. Nguyên nhân chủ yếu là do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, môi trường đầu tư, kinh doanh chưa hấp dẫn, khó thu hút các doanh nghiệp đầu tư; bên cạnh đó, tỉnh đã hứng chịu thiệt hại nặng nề về người và của từ cơn bão số 3 (YAGI) và phải dành nhiều nguồn lực để phục hồi kinh tế - xã hội; người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa sẵn sàng áp dụng những tiện ích, hiệu quả mà chuyển đổi số mang lại.

- Công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành và tổ chức thực hiện xuyên suốt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ; ban hành Kế hoạch Tổ chức chương trình gặp mặt và đối thoại giữa Lãnh đạo UBND tỉnh với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025 (theo định kỳ hằng tháng); phối hợp tổ

<sup>21</sup> Mạng lưới các Tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng gồm có 07 TCTD đang hoạt động với 07 chi nhánh cấp 1; 46 máy ATM/CDM được lắp đặt tại tất cả các huyện, thành phố, 141 máy POS được lắp đặt tại các bệnh viện, trung tâm y tế huyện và các cửa hàng điện máy, trung tâm mua sắm, trạm xăng....

<sup>22</sup> Chỉ số PAPI đạt 51,66% (giảm 13 bậc), xếp hạng: 51/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; (3) Chỉ số SIPAS: đạt 80,87% (tăng 04 bậc), xếp hạng 57/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

<sup>23</sup> Cụ thể: công tác chỉ đạo điều hành giảm 18 bậc (xếp 39/63); tác động của CCHC đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giảm 01 bậc (xếp 63/63); kết quả khảo sát ý kiến của đội ngũ CBCC lãnh đạo quản lý năm 2024 có cải thiện so với năm 2023, tuy nhiên không đáng kể (năm 2023 đạt 16,56 điểm; năm 2024 đạt 17,02 điểm, xếp hạng 61/63 tỉnh, thành phố).



chức Hội nghị gặp mặt và đối thoại giữa Thường trực Tỉnh uỷ với Doanh nghiệp năm 2025; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị đề xuất của doanh nghiệp, HTX và giao nhiệm vụ cho các sở, ngành chủ trì tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền<sup>24</sup>.

Theo báo cáo của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) công bố, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Cao Bằng năm 2024 đạt 62,34 điểm, giảm 0,31 điểm so với năm 2023 (năm 2023 là 62,65 điểm), ít hơn điểm trung vị của cả nước 5,33 điểm (trung vị của cả nước 67,67 điểm)<sup>25</sup>. Trong 10 chỉ số thành phần, có 06 chỉ số tăng điểm<sup>26</sup>, 04 chỉ số giảm điểm so với năm 2023<sup>27</sup>; do mức tăng điểm không nhiều nên chỉ có 06 chỉ số tăng thứ hạng<sup>28</sup> so với năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu là do: Cải cách TTHC chưa đáp ứng kỳ vọng; tỷ lệ trễ hạn trong giải quyết TTHC còn cao; nguồn lực cho chuyển đổi số còn hạn chế; người dân, doanh nghiệp chưa sẵn sàng tiếp cận các tiện ích số; điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, hạn chế khả năng thu hút đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh.

- Các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân được triển khai đồng bộ, qua đó kinh tế tư nhân phát triển ổn định, nhiều doanh nghiệp hoạt động đúng pháp luật, hiệu quả, đóng góp tích cực vào sản xuất, tạo việc làm, tăng thu ngân sách và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại thị trường trên địa bàn tỉnh thấp hơn so với cùng kỳ, mặt khác, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường có xu hướng tăng, cho thấy môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn<sup>29</sup>. Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 15/6/2025, toàn tỉnh thành lập mới 64 doanh nghiệp (đạt 37% KH, bằng so với cùng kỳ) với tổng vốn đăng ký 219 tỷ đồng (giảm 43% so với cùng kỳ); có 43 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (giảm 14% so với cùng kỳ năm trước); có 142 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (tăng 12% so với cùng kỳ năm trước). Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 2.147 doanh nghiệp với số vốn đăng ký 25.726 tỷ đồng, trong đó đang hoạt động là 1.337 doanh nghiệp (chiếm 68,3%).

<sup>24</sup> Qua Hội nghị đã nhận được ý kiến đề xuất khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của 27 doanh nghiệp, HTX. Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo các Sở, ban, ngành liên quan hoàn thiện các nội dung trả lời, phúc đáp ý kiến đề xuất của doanh nghiệp, HTX.

<sup>25</sup> tỉnh Cao Bằng không nằm trong nhóm 30 tỉnh, thành phố có điểm số dẫn đầu.

<sup>26</sup> gồm: (1) Chi phí gia nhập thị trường tăng 0,94 điểm; (2) Tiếp cận đất đai tăng 0,05 điểm (3) Tính minh bạch tăng 0,4 điểm; (4) Chi phí thời gian tăng 0,16 điểm; (5) Đào tạo lao động tăng 0,18 điểm (6) Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự tăng 0,21 điểm.

<sup>27</sup> Gồm: (1) Chi phí không chính thức giảm 0,12 điểm; (2) Cạnh tranh bình đẳng giảm 0,7 điểm; (3) Tính năng động giảm 0,38 điểm; (4) Chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp giảm 0,02 điểm.

<sup>28</sup> Gồm: (1) Chi phí gia nhập thị trường tăng 23 bậc; (2) Tiếp cận đất đai tăng 4 bậc; (3) Tính minh bạch tăng 1 bậc; (4) Chi phí thời gian tăng 10 bậc (5) Chi phí không chính thức tăng 11 bậc; (6) Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự tăng 2 bậc. Có 01 chỉ số không thay đổi thứ hạng là Tính năng động (bằng năm 2023). Còn 03 chỉ số giảm thứ hạng gồm: Cạnh tranh bình đẳng giảm 31 bậc; Chính sách Hỗ trợ DN giảm 19 bậc; Đào tạo lao động giảm 7 bậc.

<sup>29</sup> Theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý I/2025 so với quý IV/2024 của Chi cục Thống kê tỉnh: có 5,88% doanh nghiệp đánh giá tốt hơn; 94,12% doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh giữ nguyên và khó khăn hơn. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường: Trong đó, nguyên nhân chủ yếu là do hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả, doanh nghiệp chưa tìm được hướng kinh doanh mới, nên các chủ doanh nghiệp chọn giải thể hoặc tạm ngừng hoạt động.



- Kinh tế tập thể tiếp tục được quan tâm hỗ trợ phát triển, các hợp tác xã (HTX) hoạt động ngày càng ổn định, mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho thành viên và thúc đẩy phát triển kinh tế. Đến nay, toàn tỉnh có 451 HTX (tăng 2,73% so với cùng kỳ năm 2024) với tổng số vốn đăng ký là 1.058,081 tỷ đồng, trong đó số HTX đang hoạt động là 288 HTX (chiếm tỷ lệ 63,7%). Từ 01/01/2025 đến 15/6/2025, thành lập mới 08 HTX (giảm 42,7% so với cùng kỳ) với tổng vốn đăng ký mới 19,8 tỷ đồng; giải thể 01 HTX (giảm 75% so với cùng kỳ).

- Tiếp tục triển khai Quyết định 376/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025<sup>30</sup>. Trong đó, duy trì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại 03 doanh nghiệp gồm: Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng, Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Cao Bằng, Công ty TNHH một thành viên Thủy Nông Cao Bằng; cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển và Môi trường Cao Bằng; thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần In Việt Lập Cao Bằng và Công ty cổ phần Giồng và Thức ăn chăn nuôi Cao Bằng; giải thể Tổng công ty Đầu tư và Xuất nhập khẩu Cao Bằng - Công ty TNHH. Phân đấu hoàn thành cổ phần hoá và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong năm 2025.

- Công tác thu hút đầu tư, xúc tiến đầu tư được quan tâm đẩy mạnh, song vẫn còn gặp nhiều trở ngại, số lượng dự án mới còn hạn chế. Đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh có 243 dự án với tổng số vốn đầu tư 32.299,06 tỷ đồng, trong đó có 188 dự án đang hoạt động với tổng số vốn đăng ký 17.247 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm, tổng số dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư là 02 dự án, với tổng vốn đăng ký là 40,177 tỷ đồng (nhiều hơn 01 dự án và bằng 417,3% vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2024); số dự án được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là 05 dự án; số dự án chấm dứt hoạt động, thu hồi chủ trương đầu tư do không triển khai, chậm triển khai thực hiện là 09 dự án.

## **1.6. Công tác quản lý, điều hành ngân sách, tài sản công; hoạt động tín dụng**

### **a) Tình hình thu - chi ngân sách nhà nước (NSNN):**

UBND tỉnh chỉ đạo điều hành tài chính - ngân sách địa phương năm 2025 theo đúng quy định; triển khai đồng bộ, quyết liệt công tác thu ngân sách ngay từ đầu năm; ban hành kế hoạch thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, kế hoạch thu ngân sách, chống thất thu, thu hồi nợ thuế; triển khai tổ chức thực hiện dự toán ngân sách, rà soát, kiểm tra, khóa sổ thu - chi NSNN năm 2024, đẩy nhanh quyết toán ngân sách theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong điều hành ngân sách; tổ chức đánh giá tình hình thu - chi ngân sách năm 2025; điều chỉnh, xây dựng phương án dự toán thu - chi phù hợp với việc sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức lại cơ quan chuyên môn và mô hình tổ chức

<sup>30</sup> Hiện nay, tỉnh đang quản lý 08 doanh nghiệp có vốn nhà nước, trong đó có 05 doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; 02 doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; 01 doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ.



chính quyền địa phương 2 cấp; tăng cường công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; đẩy mạnh triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Tình hình thu ngân sách trên địa bàn đạt kết quả tích cực, phản ánh sự phục hồi của nền kinh tế địa phương và hiệu quả của các giải pháp quản lý tài chính, khai thác nguồn thu<sup>31</sup>. Lũy kế đến hết ngày 15/6/2025, thu NSNN trên địa bàn đã đạt 2.166,533 tỷ đồng, bằng 110% dự toán Trung ương giao, bằng 104% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 89% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, thu nội địa được 926,747 tỷ đồng<sup>32</sup>, bằng 72% dự toán Trung ương giao, bằng 66% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 52,1% so với cùng kỳ năm 2024<sup>33</sup>; thu xuất nhập khẩu được 1.219,934 tỷ đồng, bằng 179% dự toán Trung ương giao, bằng 177% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 132% so với cùng kỳ năm 2024. Ước đến hết tháng 6/2025, thu NSNN trên địa bàn đạt 2.290 tỷ đồng, bằng 116,5% dự toán Trung ương giao, bằng 109,6% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 78% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, thu nội địa được 974,1 tỷ đồng, bằng 75,7% dự toán Trung ương giao, bằng 69,6% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 44% so với cùng kỳ năm 2024; thu xuất nhập khẩu được 1.296 tỷ đồng, bằng 191% dự toán Trung ương giao, bằng 188% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 119% so với cùng kỳ năm 2024.

Tuy nhiên, thu từ đất và tài sản gắn liền với đất gặp nhiều khó khăn. Theo Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 19/4/2025 của UBND tỉnh về Phê duyệt Kế hoạch thu từ đất, tài sản gắn liền với đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, tổng giá trị dự kiến đưa ra đấu giá là 289,078 tỷ đồng (trong đó: 144,386 tỷ đồng từ đấu giá quyền sử dụng đất; 144,692 tỷ đồng từ đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất). Đến nay, chưa có cuộc đấu giá nào được tổ chức thành công do vướng mắc về xác định giá khởi điểm đấu giá<sup>34</sup>; một số UBND cấp huyện chưa tập trung chỉ đạo triển khai kịp thời ngay sau khi Kế hoạch thu từ đất năm 2025 được ban hành.

<sup>31</sup> Tuyên truyền thu lệ phí môn bài năm 2025, đẩy mạnh các nội dung tuyên truyền về Hóa đơn điện tử (HĐĐT) khởi tạo từ máy tính tiền theo nghị định số 70/2025/NĐ-CP, triển khai chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất năm 2025, giảm tiền thuê đất năm 2024, triển khai ứng dụng Etax mobile,... Quản lý chặt chẽ mã số thuế, tình hình biến động, tạm dừng hoạt động, giải thể, phá sản của người nộp thuế. Quyết liệt thực hiện các biện pháp đôn đốc thu hồi nợ đọng, cưỡng chế nợ thuế theo quy trình (Ước nợ thuế hết tháng 6/2025 là 210 tỷ đồng; ước thu nợ phát sinh trong năm 2025 là 230 tỷ đồng). Giải quyết kịp thời, đúng quy định các thủ tục miễn, giảm thuế, xác nhận nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế (Ước đến ngày 30/6/2025 có 1.225 hồ sơ đề nghị hoàn thuế với số tiền là 190.260 tỷ đồng. Trong đó: 804 hồ sơ được giải quyết hoàn thuế với số tiền 58.616 tỷ đồng, 421 hồ sơ không thuộc trường hợp được hoàn số tiền 131.644 triệu đồng).

<sup>32</sup> Chi tiết theo từng sắc thuế: So với dự toán HĐND tỉnh giao: Có 01/17 khoản thu hoàn thành vượt dự toán: thu từ khu vực có vốn ĐTNN (5,930%). Có 10/17 khoản thu đạt tiến độ thu thuế bình quân: Thu từ DNNN trung ương (43,1%), thu từ DNNN địa phương (64,7%); thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (90,2%); thu lệ phí trước bạ (69,5%); thuế thu nhập cá nhân (70,5%); thu phí – lệ phí (58,3%); Tiền thuê đất, mặt nước (52,1%); Thu khác ngân sách (87%); Thu cấp quyền khai thác khoáng sản (88,4%); Thu xổ số kiến thiết (68%),... Có 06/17 khoản thu không đạt tiến độ thu thuế bình quân: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (28%); thu tiền sử dụng đất (43%); Bán, cho thuê nhà ở thuộc SHNN (34,2%); Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích... tại xã (19,2%); thuế bảo vệ môi trường (23,1%); Thu hồi vốn, lợi nhuận, chênh lệch thu chi của NHNN (1,8%).

<sup>33</sup> Thu cân đối không bao gồm tiền sử dụng đất, xỏ số là 767,146 tỷ đồng, bằng 79% dự toán Trung ương giao, bằng 74% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 53% so với cùng kỳ năm 2024

<sup>34</sup> Theo quy định trước đây tại Luật Đất đai 2013, giá khởi điểm được xác định là giá đất cụ thể; tuy nhiên, từ ngày 1/1/2025, theo Luật Đất đai năm 2024, giá khởi điểm phải xác định theo bảng giá đất, gây lúng túng trong quá trình thực hiện.



Chi ngân sách địa phương được điều hành chặt chẽ, đảm bảo đúng quy định, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và an sinh xã hội. Lũy kể đến ngày 15/6/2025, tổng chi ngân sách địa phương đạt 6.186,217 tỷ đồng, bằng 42% so với dự toán Trung ương giao, bằng 41% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 68% so với cùng kỳ năm 2024<sup>35</sup>. Ước 6 tháng đầu năm, tổng chi ngân sách địa phương đạt 7.000 tỷ đồng, bằng 47% so với dự toán Trung ương giao, bằng 47% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 71% so với cùng kỳ năm 2024<sup>36</sup>.

*b) Tình hình phân bổ, giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025:*

Căn cứ Kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ giao, các Nghị quyết phân bổ vốn của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã phân bổ và giao chi tiết chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 cho các chủ đầu tư, UBND các huyện, thành phố. Đến thời điểm hiện tại, số vốn đã phân bổ chi tiết cho các chủ đầu tư thực hiện là 5.417,552/5.417,552 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

Song song với đẩy nhanh phân bổ và giao vốn, UBND tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp thúc đẩy tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2025, kịp thời quán triệt và thực hiện khẩn trương các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và các chương trình mục tiêu quốc gia<sup>37</sup>; tổ chức Hội nghị về xây dựng cơ bản và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025, Hội nghị trực tuyến về đánh giá tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng 4 tháng năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới; ban hành Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 11/4/2025 về việc tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên và nhiều văn bản chỉ đạo khác; chỉ đạo bố trí vốn tập trung, ưu tiên cho các dự án trọng điểm có tính lan toả, tạo đột phá; lãnh đạo UBND tỉnh thường xuyên kiểm tra thực địa, trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho từng dự án theo thẩm quyền. Qua đó, kết quả giải ngân vốn đầu tư công đã có sự cải thiện, đến hết tháng 5/2025, tỷ lệ giải ngân của tỉnh đã đạt cao hơn mức trung bình của cả

<sup>35</sup> Trong đó: Chi thường xuyên và mục tiêu sự nghiệp là 4.601,783 tỷ đồng, bằng 45% dự toán TW giao và HĐND tỉnh giao, tăng 47% so với cùng kỳ năm 2024. Chi đầu tư phát triển (không bao gồm vốn chuyển nguồn sang năm 2025) là 1.581,141 tỷ đồng, bằng 36% dự toán TW giao và HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND, tăng 188% so với cùng kỳ năm 2024,...

<sup>36</sup> Trong đó: Chi thường xuyên và mục tiêu sự nghiệp là 5.212,218 tỷ đồng, bằng 51% dự toán TW giao và HĐND tỉnh giao, tăng 58% so với cùng kỳ năm 2024. Chi đầu tư phát triển (không bao gồm vốn chuyển nguồn sang năm 2025) là 1.785 tỷ đồng, bằng 40,6% dự toán TW giao và HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND, tăng 128% so với cùng kỳ năm 2024.

<sup>37</sup> Công điện số 16/CD-TTg ngày 18/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đôn đốc đẩy mạnh phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025; Công điện số 32/CD-TTg ngày 05/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đôn đốc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2025; Công điện số 60/CD-TTg ngày 09/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đôn đốc đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025; Công văn số 4150/VPCP-KTTH ngày 13/5/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc đẩy mạnh giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia nguồn ngân sách nhà nước.



nước<sup>38</sup>. Tính đến ngày 15/6/2025, theo số vốn đã giao chi tiết, giải ngân vốn đầu tư công (bao gồm vốn đầu tư công chương trình MTQG) toàn tỉnh là 1.881,211/5.417,552 tỷ đồng, đạt 34,7% kế hoạch (trong đó: Vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 giải ngân được 300,070/898,388 tỷ đồng, đạt 33,4% kế hoạch; vốn kế hoạch năm 2025 giải ngân được 1.581,141/4.519,164 tỷ đồng, đạt 35% kế hoạch).

Ước đến hết tháng 6 năm 2025, tổng vốn đầu tư công (bao gồm cả vốn chương trình mục tiêu quốc gia) giải ngân khoảng 2.169/5.417,552 tỷ đồng, đạt 40% kế hoạch, thấp hơn khoảng 10% so với mục tiêu phấn đấu của tỉnh (tối thiểu đạt 50% kế hoạch vốn được giao). Trong đó: Vốn kéo dài từ các năm trước sang năm 2025: ước giải ngân 384/898,388 tỷ đồng, đạt 42,8% kế hoạch; Vốn kế hoạch năm 2025: ước giải ngân 1.785/4.519,164 tỷ đồng, đạt 38,8% kế hoạch). Tiến độ giải ngân đã có chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu do một số nguyên nhân chủ yếu sau: Một số thủ trưởng đơn vị, cán bộ liên quan chưa thực sự quyết tâm, thiếu tinh thần trách nhiệm, chưa chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án; còn tồn tại tâm lý sợ sai, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; nhiều dự án gặp vướng mắc kéo dài trong công tác giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến tiến độ thi công; nguồn vật liệu xây dựng, nhất là đất đắp, đá, cát thương mại còn khan hiếm, chưa đáp ứng nhu cầu thi công, đặc biệt là với các dự án quy mô lớn như tuyến cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh; một số dự án phải tạm dừng triển khai do thực hiện theo Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng.

*c) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG):* UBND tỉnh đã giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển, dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của 03 Chương trình MTQG<sup>39</sup>, giao vốn bổ sung thực hiện các CT MTQG năm 2025<sup>40</sup>; tổ chức hội nghị trực tuyến với các huyện, thành phố đánh giá tình hình thực hiện 4 tháng đầu năm; kịp thời kiện toàn ban chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đảm bảo hoạt động chỉ đạo, điều hành được xuyên suốt<sup>41</sup>. Tuy nhiên, tiến độ triển khai các chương trình còn chậm, do: một số nội dung không còn đối tượng thực hiện hoặc đã hết nhiệm vụ chi (liên quan đến vốn kéo dài từ các năm trước); nguồn vốn chương trình MTQG được Trung ương giao bổ sung muộn trong tháng 3 và tháng 4 (vốn sự nghiệp) và tháng cuối tháng 6 (vốn đầu tư)<sup>42</sup>; công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tại một số cấp ủy, chính quyền địa

<sup>38</sup> Tại báo cáo số 7474/BTC-ĐT ngày 30/5/2025 của Bộ Tài chính, tỷ lệ giải ngân vốn của cả nước đến hết ngày 31/5/2025 ước đạt 22,2% kế hoạch.

<sup>39</sup> Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

<sup>40</sup> Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 18/4/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2025 thực hiện CT MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2025 thực hiện CT MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2025.

<sup>41</sup> Quyết định 613/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc kiện toàn BCĐ thực hiện các CT MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

<sup>42</sup> Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch vốn đầu tư công vốn NSTW năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 CT MTQG (đợt 2): Đang làm quy trình trình HĐND tỉnh thực hiện phân bổ.



phương, cơ quan, đơn vị vẫn chưa thật sự quyết liệt, còn lúng túng,... Theo tổng số vốn đã giao chi tiết, tính đến ngày 15/6/2025 giải ngân vốn Chương trình MTQG đạt 788,433/2.826,932 tỷ đồng, bằng 27,89% KH<sup>43</sup>.

d) Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh Quý I năm 2025<sup>44</sup> ước tính đạt 2.194,41 tỷ đồng, bằng 17,4% KH HĐND tỉnh giao, tăng 31,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn Nhà nước đạt 924,61 tỷ đồng, chiếm 42,13% tổng vốn đầu tư và tăng 16,15%; vốn ngoài nhà nước đạt 1.269,74 tỷ đồng, chiếm 57,86% và tăng 44,76%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 0,06 tỷ đồng, chiếm 0,01%.

đ) Công tác quản lý tài sản công được tăng cường. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh đã tổ chức rà soát, tổng hợp và báo cáo phương án sắp xếp, bố trí, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và máy móc thiết bị khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Tổng số cơ sở nhà, đất thuộc đối tượng sắp xếp đến thời điểm báo cáo là 2.097 cơ sở, trong đó: 1.718 cơ sở tiếp tục sử dụng làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (giáo dục, văn hóa thể thao, nông nghiệp...); 141 cơ sở được bố trí làm trụ sở cho các xã, phường mới sau sáp nhập; 329 cơ sở sử dụng vào mục đích khác như cơ sở y tế, giáo dục, nhà công vụ, nhà văn hóa, nhà cộng đồng... Đối với 50 cơ sở dôi dư sau sắp xếp, tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng phương án xử lý, khai thác theo quy định; một số cơ sở sẽ thực hiện bán đấu giá sau khi điều chỉnh quy hoạch, số còn lại giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà để khai thác, xử lý theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ.

e) Hoạt động ngân hàng trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì ổn định, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng; công tác điều hòa, cung ứng tiền mặt được triển khai hiệu quả. Tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng còn chậm do nhu cầu vay mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình còn thấp; sức hấp thụ vốn hạn chế do năng lực quản trị, tài chính chưa đảm bảo, thiếu tài sản bảo đảm và phương án kinh doanh khả thi. Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn tỉnh đến ngày 31/5/2025 đạt 30.874 tỷ đồng, tăng 5,06% so với cuối năm 2024, tăng 1,26% so với tháng trước, tăng 17,46% so với cùng kỳ năm trước; ước đến 30/6/2025, nguồn vốn huy động đạt khoảng 31.200 tỷ đồng, tăng 6,17% so với cuối năm 2024, tăng 1,06% so với tháng trước, tăng 16,67% so với cùng kỳ năm trước. Tổng dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng đến 31/5/2025 đạt 16.969 tỷ đồng, tăng 0,7% so với cuối năm 2024, tăng 0,42% so với tháng trước, tăng 7,81% so với cùng kỳ năm trước; ước đến 30/6/2025, dư nợ cho vay đạt 17.200 tỷ đồng, tăng 2,07% so với cuối năm 2024, tăng 1,36% so với tháng trước, tăng 7,89% so với cùng kỳ năm trước. Nợ xấu ước là 230 tỷ đồng, chiếm 1,34% tổng dư nợ.

<sup>43</sup> Trong đó: Vốn đầu tư là 438,889/1.280,890 tỷ đồng, đạt 34,26%; vốn sự nghiệp là 349,543/1.546,041 tỷ đồng, đạt 22,61%. Cụ thể đối với từng chương trình như sau: Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS MN giải ngân được 513,186/1.826,101 tỷ đồng, đạt 28,1% KH; Chương trình MTQG GNBV 251,64/875,429 tỷ đồng, đạt 28,74% KH; Chương trình MTQG xây dựng NTM 23,607/125,401 tỷ đồng, đạt 18,83% KH.

<sup>44</sup> Hiện nay chưa có số liệu 6 tháng đầu năm 2025.



Nguồn vốn tín dụng tập trung vào các chương trình, chính sách tín dụng đối với ngành, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng kinh tế, như: cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa; cho vay phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ, du lịch; cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; các chương trình tín dụng chính sách xã hội; các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi<sup>45</sup>.

### **1.7. Hoạt động quy hoạch, đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp**

UBND tỉnh đã ban hành và chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; chỉ đạo rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và không gian phát triển sau khi điều chỉnh địa giới hành chính cấp xã; triển khai công tác quy hoạch - kiến trúc bám sát định hướng phát triển không gian đô thị, nông thôn và yêu cầu quản lý nhà nước; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Thác Bản Giốc (tỷ lệ 1/5.000); chỉ đạo tổ chức thẩm định 01 hồ sơ đồ án quy hoạch; 09 hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch<sup>46</sup>; 03 hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch; cho chủ trương dừng Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòa An; triển khai lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn<sup>47</sup>; báo cáo phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai và đề xuất điều chỉnh nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn 2050; phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Cao Bằng và bổ sung kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng (giao thông, du lịch, cửa khẩu, đô thị và hạ tầng số) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025; chỉ đạo rà soát tài sản và tiếp nhận bàn giao 614 km quốc lộ từ Bộ Xây dựng; tổ chức tổng kiểm kê tài sản và đối chiếu thực tế 44 tuyến tỉnh lộ với tổng chiều dài 1.021 km để phục vụ công tác quản lý theo quy định của Luật Đường bộ mới; lập kế hoạch bảo trì đường bộ năm 2025; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý các điểm sạt lở ta luy dương, ta luy âm, xói lở, sụt lún nền mặt đường do ảnh hưởng của thiên tai, đảm bảo giao thông thông suốt trên các tuyến đường<sup>48</sup>; xây dựng phương án chuyển tiếp quản

<sup>45</sup> Ước đến 30/6/2025, dư nợ cho vay DNNVV đạt 3.150 tỷ đồng (tăng 0,51% so với cuối năm 2024, chiếm 18,3% trong tổng dư nợ toàn tỉnh); dư nợ cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đạt 8.750 tỷ đồng (tăng 4,42% so với cuối năm 2024, chiếm 50,87% trong tổng dư nợ toàn tỉnh); dư nợ các chương trình tín dụng chính sách của Ngân hàng Chính sách xã hội đạt 5.100 tỷ đồng, (tăng 9,63% so với cuối năm 2024).

<sup>46</sup> Thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch, 09 hồ sơ : Báo cáo thẩm định 06 hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch và dự toán quy hoạch Thuộc Dự án: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 các khu vực: Cửa khẩu Sóc Giang; Cửa khẩu Pò Peo; Khu vực lối mở Đình Phong; Cửa khẩu Lý Vạn, lối mở Bản Khoong; Cửa khẩu Hạ Lang; Khu vực Nà Lạn thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng; về việc dừng thực hiện Nhiệm vụ đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Phục Hoà đến năm 2040 và việc thực hiện Quy hoạch vùng huyện Quảng Hoà đến 2045.

<sup>47</sup> Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai xóm Nậm Pắt xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai xóm Lũng Vải, xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai xóm Phiêng Châu, xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai xóm Bản Ổ, xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

<sup>48</sup> Trong kỳ báo cáo, tỉnh triển khai 24 công trình sửa chữa định kỳ thuộc kế hoạch bảo trì đường bộ năm 2025 (do Bộ Xây dựng ủy quyền và tỉnh giao làm chủ đầu tư), trong đó: đã phê duyệt và triển khai thi công 09



lý, bảo dưỡng các tuyến đường tỉnh, huyện sau khi thực hiện chính quyền hai cấp từ 01/7/2025. Tuy nhiên, đến nay toàn tỉnh vẫn còn gần 40 km đường đến trung tâm xã chưa được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; tỷ lệ cứng hóa các tuyến đường huyện, xã ước đạt khoảng 70%. Nguyên nhân chủ yếu là do tỉnh còn thiếu nguồn lực đầu tư công, đồng thời chưa tập trung được các nguồn vốn để ưu tiên thực hiện nhiệm vụ này một cách đồng bộ, hiệu quả.

Tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc các công trình, dự án giao thông trọng điểm<sup>49</sup>, trọng tâm là dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng). Tổng diện tích đất phải thu hồi theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật của dự án được doanh nghiệp dự án (chủ đầu tư thực hiện) phê duyệt khoảng 825,91 ha, tính đến ngày 15/6/2025, tỉnh Cao Bằng bàn giao được 362,34ha/367,50ha, đạt 98,60% (đã phê duyệt phương án, dự toán bồi thường để thực hiện dự án đến thời điểm hiện tại được 478,163 tỷ đồng; chi trả được 447,687/478,163 tỷ đồng); tỉnh Lạng Sơn bàn giao được 453,96 ha/458,41ha đạt 98,96% (đã phê duyệt phương án, dự toán để chi trả cho người dân là 492,207 tỷ đồng; chi trả cho người dân được 498,738/492,207 tỷ đồng); tiếp tục đôn đốc xây dựng các khu tái định cư cho người dân; cơ bản hoàn thành công tác rà phá bom mìn, vật nổ của dự án; di chuyển hạ tầng kỹ thuật (đường điện - trừ một vài vị trí cột 110kV phải điều chỉnh do điều chỉnh tuyến); hoàn thành công tác chuyển mục đích sử dụng rừng; đồng thời, chuẩn bị các mỏ vật liệu, đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ thi công Dự án. Tổng khối lượng thực hiện các gói thầu đến 15/6/2025 được 3.171,82 tỷ đồng/10.056,9 tỷ đồng, đạt 31,54% giá trị hợp đồng. Giải ngân vốn kế hoạch 2025 tính đến 15/6/2025 được 1.166,862/2.510,491 tỷ đồng, đạt 46,48% kế hoạch.

Chỉ đạo rà soát quy hoạch đô thị và đánh giá chất lượng đô thị trong giai đoạn thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp; xây dựng Đề án hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ; Kế hoạch phát triển hệ thống cấp nước, nâng cao tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch tại đô thị và tỷ lệ dân cư được sử dụng hợp vệ sinh tại nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025; chỉ đạo rà soát, đánh giá tính khả thi của các dự án phát triển đô thị để đưa vào Kế hoạch thu từ đất năm 2025. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện các dự án phát triển đô thị năm 2025<sup>50</sup>, các dự án phát triển đô thị

---

công trình; đang trình thẩm định và lựa chọn nhà thầu thi công 15 công trình (dự kiến hoàn thành trong tháng 6/2025). Công tác khắc phục hậu quả bão lũ cơ bản đã hoàn thành hồ sơ hoàn công 05/14 công trình; đang thi công 08/14 công trình.

<sup>49</sup> Cụ thể: Dự án Tuyến tránh thành phố Cao Bằng; Đường giao thông thị trấn Nước Hai (Hòa An) - Nà Bao (Nguyên Bình); Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 205; Đường từ xã Sơn Lập (Bảo Lạc) - xã Yên Thổ (Bảo Lâm), tỉnh Cao Bằng; Nâng cấp, cải tạo đường Nà Pồng - Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Cải tạo nâng cấp đường giao thông Chu Trinh (thành phố Cao Bằng) - Hồng Nam (huyện Hoà An), tỉnh Cao Bằng; Tuyến kết nối thành phố Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng); Dự án đường giao thông kết nối nút giao Lũng Luông tuyến đường cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) đến cửa khẩu quốc tế Tà Lùng,...

<sup>50</sup> Chương trình phát triển đô thị của các đô thị trong toàn tỉnh có 69 dự án phát triển đô thị để thu hút nhà đầu tư (Thành phố Cao Bằng có 24 dự án; huyện Hoà An 07 dự án; huyện Hà Quảng 12 dự án; huyện Nguyên Bình 04 dự án; huyện Bảo Lạc 03 dự án; huyện Bảo Lâm 02 dự án; huyện Thạch An 02 dự án; huyện Quảng Hoà 07 dự



trên địa bàn thành phố Cao Bằng; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án phát triển đô thị<sup>51</sup>. Đến nay, toàn tỉnh có 15 đô thị, trong đó: 01 đô thị loại III (thành phố Cao Bằng), 14 đô thị loại V, tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 25,5%.

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư hạ tầng kinh tế cửa khẩu và khu công nghiệp, bao gồm: hạ tầng cửa khẩu Trà Lĩnh, nâng cấp Trạm biến áp và kè chống sạt lở vào bãi rác Nà Lạn (Thạch An), cải tạo Trạm kiểm soát liên hợp và khu lối mở Nà Doong (Trùng Khánh), cải tạo hạ tầng tại cửa khẩu Tà Lùng và đường vào lối mở Nà Doong; xây dựng Trung tâm điều hành, công và giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Chu Trinh.

### **1.8. Lao động việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội**

Chỉ đạo thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về Lao động - Việc làm; triển khai, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định mới<sup>52</sup>; tổ chức các hoạt động tuyên truyền và kiểm tra liên ngành về công tác an toàn vệ sinh lao động tại các doanh nghiệp trong Tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động; tăng cường các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm và hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động<sup>53</sup>. Kết quả 6 tháng đầu năm, có 109 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (tăng 16% so với cùng kỳ năm 2024); 3.906 lao động được tư vấn chính sách lao động việc làm; 369 lao động được giới thiệu việc làm trong nước; 8.756 lao động được hỗ trợ tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm (tăng 84,9% so với cùng kỳ năm 2024).

Công tác tuyên truyền, vận động tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) được tăng cường, nhận thức của người dân và người lao động có chuyển biến tích cực, số người tham gia BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) ước tăng so với cùng kỳ năm 2024. Tuy nhiên, thị trường lao động trong tỉnh còn hạn chế; nhiều lao động chuyển sang làm việc ngoài tỉnh; thực hiện chính sách tinh giản biên chế, nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo quy định của Chính phủ đã giảm số lượng tham gia; một bộ phận người dân còn khó khăn, thu nhập thấp, chưa nhận thức đầy đủ về chính sách; thiếu thuốc, vật tư y

---

án; huyện Trùng Khánh 06 dự án và huyện Hạ Lang 02 dự án). Đến nay, mới chỉ đã và đang triển khai 09 dự án (trong đó: có 03 dự án đã hoàn thành nghiệm thu; 01 dự án đang triển khai thi công xây dựng; 04 dự án đang triển khai công tác giải phóng mặt bằng; 01 dự án đang tiến hành công tác lập dự án đầu tư). Các dự án phát triển đô thị đã hoàn thành, đã cung cấp cho thị trường bất động sản 726 căn hộ (trong đó: 294 căn hộ chung cư, 432 căn nhà ở riêng lẻ), nhưng lượng giao dịch còn chưa cao, đến thời điểm hiện tại mới bán được 294/726 căn (tỷ lệ 40,5%), nguyên nhân là do giá thành còn cao so với khả năng của phần lớn người dân Cao Bằng.

<sup>51</sup> Một số vướng mắc của các dự án phát triển đô thị đang gặp phải như: khó khăn, vướng mắc trong việc trích lục, trích đo bản đồ phục vụ GPMB; vướng mắc liên quan đến các quy định về giao đất cho dự án có đất đã GPMB xen lẫn đất chưa GPMB; người dân chưa đồng thuận, hợp tác trong việc tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng; không đủ quỹ đất tái định cư...

<sup>52</sup> Theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước và Thông tư số 12/2024/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

<sup>53</sup> Tổ chức 50 phiên giao dịch việc làm thường xuyên; 20 hội nghị tư vấn, giới thiệu việc làm tại các xã thuộc huyện Quảng Hòa; trên 568 lao động tìm được việc làm, học nghề gắn với việc làm thông qua các kênh thông tin của Trung tâm dịch vụ việc làm (tăng 131,8% so với cùng kỳ năm 2024); thu thập thông tin cầu lao động và cung ứng thông tin thị trường lao động cho 250 doanh nghiệp, tổ chức. Bên cạnh đó, quan tâm tổ chức 03 ngày hội việc làm và 09 buổi định hướng nghề nghiệp để tư vấn, định hướng lựa chọn ngành nghề cho hơn 2.040 học sinh THPT trên địa bàn tỉnh.



tế tại một số cơ sở ảnh hưởng đến niềm tin vào BHYT. Kết quả, tỷ lệ lực lượng lao động tham gia BHXH, BHTN còn thấp so với mục tiêu đề ra; tỷ lệ bao phủ BHYT 6 tháng đầu năm ước đạt thấp hơn 1,7 điểm phần trăm so với chỉ tiêu được HĐND tỉnh giao<sup>54</sup>. Công tác giải quyết chế độ, chi trả lương hưu và trợ cấp BHXH, BHTN được thực hiện đầy đủ, kịp thời, thuận tiện<sup>55</sup>.

Tỉnh đã tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách giảm nghèo, chăm lo người có công và thân nhân người có công<sup>56</sup>. Công tác hoàn thiện danh sách và xác định chỉ tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2025 đã được triển khai đồng bộ; việc tiếp nhận kinh phí 131 tỷ đồng từ Bộ Công an cùng với lễ phát động 180 ngày cao điểm đã tạo sự chuyển biến rõ nét trong tiến độ thực hiện chương trình. Đến ngày 13/6/2025, toàn tỉnh đã thực hiện hỗ trợ 6.544/7.115 nhà, đạt 91,9% kế hoạch (trong đó: đã hoàn thành 4.999 nhà, đạt 70,26%; đang thi công 1.569 nhà, đạt 22,05%); còn lại 547 nhà chưa triển khai. Kinh phí đã giải ngân là 180.046 triệu đồng, 52.004 công lao động, 30 tấn xi măng, 29.600 viên gạch; 1.070 tấm proxy măng. Đối với chỉ tiêu chuyển tiếp từ năm 2024, đã hoàn thành 389/505 nhà, đạt 77%, đang thi công 104 nhà, còn lại 12 nhà chưa triển khai, giải ngân đạt 14.197 triệu đồng. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, góp phần đảm bảo tiến độ và hiệu quả chương trình.

Công tác bảo trợ xã hội, chăm sóc trẻ em và phòng chống tệ nạn xã hội được triển khai kịp thời, đồng bộ và hiệu quả. Việc chi trả trợ cấp xã hội, hỗ trợ người nghèo và đối tượng chính sách đảm bảo đúng quy định, toàn tỉnh đã thực hiện quản lý và chi trả trợ cấp xã hội thường xuyên cho 27.812 đối tượng<sup>57</sup>; hỗ trợ mai táng phí cho 160 gia đình đối tượng bảo trợ xã hội thường xuyên đạt 1,588 tỷ đồng; hỗ trợ đột xuất 20 trường hợp với tổng kinh phí trên 194 triệu đồng; đã cấp mới và gia hạn thẻ BHYT cho người thuộc đối tượng bảo trợ xã hội và người cao tuổi đủ 80 tuổi trở lên hưởng suất BHXH với 10.907 thẻ; tổ

<sup>54</sup> Số người tham gia BHXH ước là 54,2 nghìn người, đạt 90,7% KH, tăng 4,6% so với cùng kỳ; tăng 1,53% so với thời điểm cuối năm 2024, chiếm tỷ lệ 21,3% so với lực lượng lao động (LLLĐ) trong độ tuổi (Trong đó: Tham gia BHXH bắt buộc ước là 35,8 nghìn người, bằng 94,5% KH; tăng 0,8% so với cùng kỳ; giảm 0,16% so với thời điểm cuối năm 2024, chiếm 14,06% LLLĐ trong độ tuổi. Tham gia BHXH tự nguyện ước là 18,4 nghìn người, bằng 84,2% KH, tăng 12,9% so với cùng kỳ; tăng 5,1% so với thời điểm cuối năm 2024; chiếm 7,22% LLLĐ trong độ tuổi). Số người tham gia BHTN ước là 28,4 nghìn người, bằng 96,6% KH, tăng 3,1% so với cùng kỳ; tăng 1,9% so với thời điểm cuối năm 2024; chiếm khoảng 11,1% LLLĐ trong độ tuổi. Số người tham gia BHYT ước là 515,4 nghìn người; bằng 93,6% KH, giảm 0,2% so với cùng kỳ; giảm 1,25% so với thời điểm cuối năm 2024; tỷ lệ bao phủ BHYT đạt khoảng 91,5% dân số. Nếu tính cả lực lượng vũ trang của tỉnh được BHXH Bộ Công an, BHXH Bộ Quốc phòng phát hành thẻ BHYT và người dân đi lao động, làm việc, học tập tham gia BHYT ở ngoài tỉnh thì tỷ lệ bao phủ BHYT đạt khoảng gần 97% dân số.

<sup>55</sup> Số chi trả các chế độ BHXH, BHTN trong tháng 6/2025 dự kiến khoảng 182,7 tỷ đồng. Lũy kế tổng số chi các chế độ BHXH, BHTN ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 là 1.095,3 tỷ đồng, bằng 53,5% KH; tăng 16,4% so với số chi cùng kỳ năm 2024 (trong đó: chi BHXH nguồn ngân sách nhà nước là 240,2 tỷ đồng, chi BHXH nguồn quỹ là 837,1 tỷ đồng, chi BHTN là 18 tỷ đồng).

<sup>56</sup> Cụ thể: Thăm hỏi, động viên, tặng 24.396 suất quà đối với người có công, thân nhân người có công nhân dịp Tết Nguyên đán và Kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và 80 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện giải quyết chế độ, chính sách và hỗ trợ điều dưỡng tại gia cho 1.402 đối tượng. Tổ chức 02 đoàn đại biểu tham dự các hoạt động kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước tại TP. Hồ Chí Minh và kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng Côn Đảo tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; 14 thân nhân liệt sĩ đi thăm viếng mộ tại Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đắk Lắk; 229 người có công, thân nhân liệt sĩ đi điều dưỡng tập trung tại tỉnh Quảng Ninh và tổ chức điều dưỡng phục hồi sức khỏe tại tỉnh đối với 39 người.

<sup>57</sup> Trong đó: có 1.309 đối tượng được chi trả qua tài khoản ngân hàng, chiếm 13,7% trên tổng số tài khoản đã mở, với tỷ lệ tài khoản mở đạt 34,4%.



chức kiểm tra, rà soát đối tượng và cấp phát gạo cứu đói dịp Tết Nguyên đán và gạo giáp hạt năm 2025 tại thành phố Cao Bằng, các huyện: Hòa An, Quảng Hòa, Hà Quảng, Nguyên Bình, Bảo Lạc, Bảo Lâm,... Công tác trẻ em được quan tâm với nhiều hoạt động thiết thực<sup>58</sup>; trong đó, tổ chức 01 Hội nghị cấp tỉnh về Nâng cao chất lượng hệ thống bảo vệ trẻ em và kết nối dịch vụ liên ngành; tổ chức hoạt động thăm và tặng quà nhân dịp Ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6 năm 2025 tại 12 đơn vị trường học với tổng kinh phí thực hiện là 48 triệu đồng; công tác chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu trẻ em được đẩy mạnh tạo cơ sở quản lý hiệu quả<sup>59</sup>. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được tăng cường; Trung tâm Bảo trợ xã hội duy trì hoạt động chăm sóc và hỗ trợ đối tượng ổn định, góp phần bảo vệ quyền lợi người yếu thế trong xã hội<sup>60</sup>.

### **1.9. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân**

UBND tỉnh đã chỉ đạo ban hành và triển khai các văn bản, kế hoạch trọng tâm về y tế, dân số và phòng chống tệ nạn xã hội; tiếp tục triển khai các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số<sup>61</sup>; thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, chăm sóc, điều trị người có rối loạn tâm thần; duy trì thường xuyên công tác giám sát, phát hiện và điều trị các bệnh truyền nhiễm, không lây nhiễm được tại các tuyến<sup>62</sup>. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là dịch sởi (6 tháng đầu năm, toàn tỉnh ghi nhận 4.205 ca mắc sởi tại 10/10 huyện, thành phố)<sup>63</sup>; trong đó có 1 ca tử vong. Một số bệnh lưu hành khác được ghi nhận gồm: cúm (1.425 ca), tiêu chảy (938 ca), Adenovirus (78 ca), thủy đậu (46 ca), Viêm gan vi rút khác (08 ca), Lỵ a míp (01 ca), Lỵ trực trùng (05 ca), Tay chân miệng (17 ca); Uốn ván sơ sinh (01 ca); Viêm gan C (04 ca); Viêm gan B (01 ca). Ghi nhận 05 trường hợp mắc COVID-19 tại các huyện Thạch An (02); Bảo Lâm (01); Thành phố (02). Ghi nhận 10 ca ho gà, trong đó có 1 ca tử vong tại huyện Nguyên Bình; 1 trường hợp nghi tử vong do đại tại huyện Bảo Lâm. Trước diễn biến dịch sởi phức tạp, tỉnh đã đẩy mạnh

<sup>58</sup> UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Tháng hành động vì trẻ em năm 2025; hướng dẫn các địa phương như Bảo Lâm, Bảo Lạc, Hà Quảng và Nguyên Bình tổ chức họp giao ban quản lý trường học và cập nhật dữ liệu trẻ em; Các lớp tập huấn nâng cao kỹ năng cho cán bộ phụ trách đoàn đội và hỗ trợ tâm lý xã hội cho trẻ em và gia đình chịu ảnh hưởng thiên tai được tổ chức hiệu quả với sự hỗ trợ của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF).

<sup>59</sup> Tính đến 15/5/2025, toàn tỉnh đã nhập lên hệ thống phần mềm được 123.114 trẻ em; trong đó có 112.744 trẻ em được liên thông trên hệ thống đạt tỉ lệ 91,57%; còn 10.370 trẻ em chưa được liên thông. Số trẻ em được đăng nhập mới trên hệ thống tính từ 15/05/2025 đến 13/6/2025 được 37 trẻ.

<sup>60</sup> Tổ chức duy trì khám và tư vấn sức khỏe, bữa ăn tại nhà ăn là 207 đối tượng. Tính đến ngày 13/6/2025 quản lý 222 đối tượng. Ngoài ra, Trung tâm đã hỗ trợ 4 học sinh làm hồ sơ đăng ký thi vào các trường Đại học thuộc lực lượng Công an và Quân đội, góp phần tạo điều kiện cho các em phát triển tương lai.

<sup>61</sup> Duy trì cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sàng lọc trước sinh, sơ sinh và cung ứng phương tiện tránh thai tại 10 huyện, thành phố. Trong tháng 6, có 150 trẻ sinh (70 trẻ gái); 20 trường hợp sinh con thứ 3 trở lên. Sử dụng biện pháp tránh thai: 30 người đặt dụng cụ tử cung; duy trì 80 ca sử dụng thuốc tiêm tránh thai, 110 ca viên uống tránh thai, 90 ca bao cao su. Tính chung 6 tháng đầu năm: 2.840 trẻ sinh (giảm 309 ca so với cùng kỳ), 346 trường hợp sinh con thứ 3 trở lên (giảm 207 ca). Sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại ước đạt 92% kế hoạch năm (25.218/27.434).

<sup>62</sup> Tình hình duy trì 15 cơ sở điều trị và 4 cơ sở cấp phát thuốc Methadone với 1.047 bệnh nhân; Có 19 cơ sở điều trị HIV/AIDS đang quản lý 791 bệnh nhân, trong đó có 7 trẻ em. Trong 6 tháng đầu năm, phát hiện 11 ca nhiễm HIV mới, 4 ca tử vong; 98% bệnh nhân được điều trị dự phòng lao, 98% có thể BHYT.

<sup>63</sup> Các địa phương ghi nhận số ca cao gồm: Bảo Lâm (2147 ca); Bảo Lạc (897 ca); Nguyên Bình (342 ca); Hà Quảng (583 ca); Thành phố (123 ca); Quảng Hòa (64 ca); Hòa An (24 ca); Trùng Khánh (12 ca); Thạch An (10 ca); Hạ Lang (03 ca).



triển khai chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng, chống dịch Sởi; kết quả: Đợt 1 đạt 94,2% (9.197/9.761 trẻ); Đợt 2 đạt 97,1% (7.739/7.972 trẻ); Đợt 3 đạt 95,4% (5.835/6.114 trẻ).

Công tác khám chữa bệnh, phân tuyến kỹ thuật tiếp tục được duy trì và thực hiện hiệu quả; việc quản lý, sử dụng thuốc đảm bảo đúng quy chế, an toàn, hợp lý. Tính chung 6 tháng đầu năm, tổng số lần khám bệnh 326.206 lượt (tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước); tổng số người điều trị nội trú đạt 52.724 lượt (tăng 13% so với cùng kỳ năm trước), phẫu thuật các loại đạt 3.962 ca (tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước), ngày điều trị trung bình toàn tỉnh là 6,2 ngày.

Triển khai Kế hoạch “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025; chỉ đạo thành lập đoàn kiểm tra, các đoàn thẩm định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, truyền thông các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm<sup>64</sup>; kiểm tra tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, đột xuất cơ sở, gắn nhãn hiệu đá viên tinh khiết Minh Châu; rà soát cơ sở sản xuất, phân phối sữa giả... Tính đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh ghi nhận 01 vụ ngộ độc thực phẩm tại Trường Mầm non Sông Hiến (thành phố Cao Bằng) với 16 người mắc, không có trường hợp tử vong.

### **1.10. Công tác Giáo dục - Đào tạo**

UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo ngành Giáo dục và Đào tạo triển khai đồng bộ các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 382-KH/TU ngày 31/10/2024 của Tỉnh ủy, thực hiện Kết luận số 91-KL/TW của Bộ Chính trị về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Chất lượng giáo dục đại trà<sup>65</sup> và giáo dục mũi nhọn có chuyển biến tích cực, đạt nhiều thành tích cao tại các kỳ thi quốc gia, quốc tế. Năm học 2024 - 2025, học sinh Cao Bằng đạt 03 giải quốc tế tại Giải vô địch thể giới robot VEX (tăng 02 giải so với năm học trước); 42 giải quốc gia (tăng 08 giải); kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 12 có 387 học sinh đạt giải (tăng 67 giải), lớp 9 có 394 học sinh đạt giải (tăng 76 giải); cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh thu hút 121 dự án (tăng 22 dự án), trong đó có 71 dự án đạt giải (tăng 20 giải). Tỉnh cũng đã phối hợp tổ chức thành công cuộc thi STEM Robotics cấp quốc gia khu vực miền núi phía Bắc, thu hút 37 đội thi đến từ 12 tỉnh, trong đó Cao Bằng có 07 đội tham dự và được đánh giá cao. Đặc biệt huyện Trùng Khánh (tỉnh Cao Bằng) đã có tên trên bản đồ thể giới về robotics (<https://www.robotevents.com/map>).

Hệ thống trường lớp tiếp tục được sắp xếp, củng cố theo hướng tinh gọn, phù hợp với tình hình thực tế, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 268/QĐ-

<sup>64</sup> Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm 6 tháng đầu năm: Tuyến tỉnh (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) đã kiểm tra 34 cơ sở kinh doanh, sản xuất, bếp ăn tập thể; 100% cơ sở được kiểm tra đạt vệ sinh an toàn thực phẩm. Trung tâm y tế các huyện thành phố: kiểm tra được 1.232 cơ sở, trong đó tỷ lệ cơ sở đảm bảo ATTP chiếm 97,6%; cơ sở vi phạm quy định về ATTP chiếm 2,4%. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho 27 cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

<sup>65</sup> Kết quả giáo dục đại trà năm học 2024-2025 (so với năm học 2023-2024): Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo đạt cao (99,39%), riêng mẫu giáo 5 tuổi đạt gần như tuyệt đối (99,89%). Ở cấp tiểu học, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình đạt 99,3% (trong đó Hoàn thành tốt tăng 3,79%). Cấp THCS giữ vững chất lượng với 98,52% học sinh đạt từ mức trung bình trở lên. Cấp THPT đạt 99,22% (trong đó tỷ lệ khá, tốt tăng 7,92%). Giáo dục thường xuyên cũng ghi nhận chuyển biến tích cực với tỷ lệ đạt yêu cầu 97,30% (trong đó khá, tốt tăng 28%).



UBND ngày 28/02/2025 sáp nhập Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng và Trường Trung cấp nghề Cao Bằng thành Trường Cao đẳng Cao Bằng; đến nay, toàn tỉnh hiện có 514 cơ sở giáo dục (giảm 5 cơ sở so với cùng kỳ)<sup>66</sup>. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư; năm 2025 bố trí 508,6 tỷ đồng để nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất trường học và 146,717 tỷ đồng để mua sắm thiết bị dạy học; hiện trạng thiết bị đáp ứng khoảng 65% nhu cầu dạy và học của các cơ sở giáo dục (tăng 3% so với cùng kỳ năm 2024), dự kiến sau mua sắm năm 2025 sẽ đạt khoảng 79% (tăng 5% so với năm 2024). Việc triển khai thực hiện chương trình sách giáo khoa mới đảm bảo đúng quy định<sup>67</sup>. Chuyển đổi số trong giáo dục được đẩy mạnh, học bạ điện tử được triển khai hiệu quả; tỉnh đã hoàn thành và đồng bộ dữ liệu ngành lên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời tích hợp trên Hệ sinh thái giáo dục thông minh tỉnh Cao Bằng (50% dữ liệu thuộc phạm vi quản lý đã được cung cấp mở trên trang thông tin điện tử nhằm phục vụ người dân, tổ chức khai thác và sử dụng hiệu quả). Công tác quản lý giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, việc tuyển dụng, bồi dưỡng giáo viên được chú trọng; phong trào khuyến học, xã hội hóa giáo dục tiếp tục phát triển. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, kiểm định chất lượng giáo dục được quan tâm thực hiện. Đến nay, đã hoàn thành công tác tư vấn xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cho 46 trường đăng ký đánh giá ngoài năm 2025, trong đó có 05 trường đủ điều kiện<sup>68</sup>, còn lại 41 trường chưa đạt chủ yếu do chưa đảm bảo các tiêu chí về cơ sở vật chất, thiết bị. Đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh có 187/503 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm 37,18% (tăng 05 trường so với cùng kỳ năm trước).

Công tác tổ chức các kỳ thi được triển khai nghiêm túc, chặt chẽ, đảm bảo an toàn, bảo mật và đúng quy định. Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026 (diễn ra từ ngày 02-05/6/2025), toàn tỉnh có 6.459 thí sinh đăng ký, 6.434 thí sinh dự thi tại 29 hội đồng; kết quả đã phân bổ 5.980 chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 với 145 lớp. Đối với Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (tổ chức từ ngày 25-27/6/2025), toàn tỉnh có 5.467 thí sinh đăng ký dự thi tại 23 điểm thi (248 phòng thi), trong đó có 727 thí sinh tự do. Về tỉ lệ dự thi của thí sinh: môn Ngữ văn có 5.286 thí sinh dự thi/5.339 thí sinh đủ điều kiện dự thi (tỉ lệ 99,01%), môn Toán 5027 thí sinh dự thi/5075 thí sinh dự thi (tỉ lệ 99,05%), tỉ lệ thí sinh dự thi các môn thi tự chọn đạt trên 99% (môn thi thứ nhất 4.981 thí sinh dự thi/5.009 thí sinh đủ điều kiện dự thi; môn thi thứ hai 4.967 thí sinh dự thi/4.995 thí sinh đủ điều kiện dự thi); tỉ lệ thí sinh dự thi các môn thuộc bài tổ hợp Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội hoặc Ngoại ngữ đều đạt trên 90%; thí sinh vắng thi của tỉnh đều thuộc diện miễn thi, đặc cách, đã đỗ đại học, cao đẳng hoặc đã đi làm.

<sup>66</sup> Gồm: 172 trường Mầm non, 122 trường Tiểu học, 83 trường TH&THCS, 96 trường THCS, 30 trường THPT (trong đó 6 trường có cấp THCS), 09 trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện, 01 trung tâm GDTX tỉnh và 01 Trường Cao đẳng Cao Bằng. (trong đó, hệ thống các trường chuyên biệt có 70 trường, gồm 01 trường PTDTNT tỉnh, 01 trường THPT Chuyên, 12 trường PTDTNT huyện và 56 trường PTDTBT).

<sup>67</sup> UBND tỉnh ban hành Quyết định số 573/QĐ-UBND và 574/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 về điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa từ lớp 6 đến lớp 12 sử dụng từ năm học 2025-2026.

<sup>68</sup> Đề nghị công nhận mới 04 trường: trường Mầm non Sỷ Hai, Trường Mầm non Pác Bó - huyện Hà Quảng; trường Tiểu học Lăng Hiếu - huyện Trùng Khánh; trường Trung học cơ sở Minh Thanh - huyện Nguyên Bình. Đề nghị công nhận lại Trường Tiểu học Hưng Đạo - thành phố Cao Bằng.



Giáo dục nghề nghiệp được quan tâm, triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền chính sách và hỗ trợ đào tạo nghề<sup>69</sup>. Tuy nhiên, do đa số đối tượng tuyển sinh trên địa bàn tỉnh là lao động nông thôn, đang trong độ tuổi lao động, đặc biệt hiện nay đang trong thời điểm mùa vụ, chưa sắp xếp được thời gian tham gia học nghề nên kết quả tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp còn thấp so với kế hoạch và giảm so với cùng kỳ; trong kỳ báo cáo, toàn tỉnh tuyển mới đào tạo trình độ sơ cấp được 692/5.510 người, đạt 12,6% theo kế hoạch năm 2025 (giảm 23,2% so với cùng kỳ năm 2024).

### **1.11. Hoạt động khoa học công nghệ và thông tin**

*a) Hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN):* Đẩy mạnh triển khai các văn bản, kế hoạch nhằm cụ thể hóa các chủ trương của cấp trên, trọng tâm là triển khai Nghị quyết số 57-NQ/CP ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Công tác quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được duy trì chặt chẽ và có sự đổi mới<sup>70</sup>; trong 6 tháng đầu năm, đã tổ chức hội đồng nghiệm thu 06/10 nhiệm vụ (đạt 60% kế hoạch năm), kiểm tra 17/27 nhiệm vụ KH&CN đang triển khai; gia hạn thời gian thực hiện đối với 04 nhiệm vụ; công nhận kết quả thực hiện đối với 13 nhiệm vụ. Đồng thời, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp chủ động đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN năm 2026, đến nay đã tổng hợp, tra cứu thông tin đối với 45 đề xuất, đặt hàng, đồng thời tập trung đánh giá hiệu quả, khả năng nhân rộng của các nhiệm vụ sau nghiệm thu làm cơ sở đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả duy trì, ứng dụng kết quả các nhiệm vụ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, tiêu chuẩn đo lường chất lượng tiếp tục được tăng cường. Ngành Khoa học và Công nghệ đã chủ trì thẩm định, cấp giấy phép hoạt động đối với 05 dự án liên quan; tổ chức 03 cuộc thanh tra chuyên ngành (02 cuộc theo kế hoạch, 01 cuộc đột xuất) về đo lường, chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và an toàn bức xạ. Đồng thời, tổ chức 02 cuộc kiểm tra nhà nước về đo lường, chất lượng dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Ất Ty 2025 tại 10 cơ sở kinh doanh; kiểm tra tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại 12 cơ sở trên địa bàn tỉnh; giám sát hoạt động kiểm định tại 162 vòi/57 cửa hàng xăng dầu. Hoạt động thông tin, tuyên truyền về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đẩy mạnh thông qua đăng tải thường xuyên trên trang thông tin điện tử và bản tin KH&CN của tỉnh. Hoạt động dịch vụ KH&CN tiếp tục được duy trì: đã tổ chức kiểm định 611 phương tiện đo các loại; thực hiện đo điện trở nối đất hệ thống chống sét tại 37 công trình. Duy trì các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất thử nghiệm phục vụ phát triển kinh tế - xã

<sup>69</sup> UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng lao động nông thôn tỉnh Cao Bằng năm 2025.

<sup>70</sup> Gồm: 50 nhiệm vụ KH&CN (trong đó có: 33 nhiệm vụ cấp tỉnh, 04 nhiệm vụ hỗ trợ theo Nghị quyết số 93/NQ-HĐND, 10 nhiệm vụ cấp cơ sở, 01 nhiệm vụ phối hợp cấp bộ, ngành và 02 dự án thuộc Chương trình NTMN).



hội của tỉnh<sup>71</sup>; trong kỳ báo cáo, đã hỗ trợ hoạt động thuê chuyên gia tư vấn, đào tạo, huấn luyện về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để phát triển dự án khởi nghiệp (theo Nghị quyết 93/2021/NQ-HĐND) cho Công ty TNHH MTV Du lịch Phong Nam với số kinh phí là 30 triệu đồng.

*b) Thông tin:*

Tập trung khẩn trương tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị<sup>72</sup>. Công tác chuyển đổi số tiếp tục được triển khai đồng bộ trên các trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cung cấp 1.574 dịch vụ công trực tuyến (gồm: 582 dịch vụ công trực tuyến một phần, 995 dịch vụ công trực tuyến toàn trình) và kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, kết nối, liên thông với các hệ thống của các Bộ, ngành đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo hướng dẫn của Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ phục vụ tra cứu, xác thực thông tin. Theo ghi nhận của Cổng dịch vụ công quốc gia, tính đến thời điểm hiện tại tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt 74,82%; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 52,96%; tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 49,26%; tỷ lệ hồ sơ kết quả điện tử đạt 69,56%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đạt 82,88%. Các nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh tiếp tục được duy trì triển khai sử dụng hiệu quả, phục vụ chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số<sup>73</sup>; các hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung tiếp tục được vận hành hiệu quả, phục vụ quản lý điều hành và cung cấp dịch vụ công. Dữ liệu chuyên ngành bước đầu được khai thác trong lĩnh vực giáo dục, y tế, du lịch, tài nguyên môi trường và nông nghiệp,... Công tác đảm bảo an toàn thông tin, quản trị hệ thống được chú trọng; đã cấp 3.628 tài khoản thư điện tử công vụ và hỗ trợ kỹ thuật cho 391 lượt người dùng.

Hạ tầng bưu chính, viễn thông tiếp tục được mở rộng và nâng cấp. Toàn tỉnh hiện có 1.217 trạm BTS, phủ sóng rộng khắp; dịch vụ 5G đã được triển

<sup>71</sup> Cụ thể: Chăm sóc, theo dõi các mô hình nuôi giun quế; trồng Chanh dây vàng ngọt, Lan kim tuyến, Mướp đắng rừng, Dưa Kim để vương...; Triển khai thực hiện Dự án trồng Giảo cổ lam theo hướng GACP, xây dựng vườn ươm; Nhân giống Lan Kim tuyến. Duy trì, sản xuất các sản phẩm như trà giảo cổ lam, rượu Hà thủ ô; nấm đông trùng hạ thảo, trà Xôm Deng, trà Lá ổi...

<sup>72</sup> Trong đó: Chỉ đạo cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin hoàn thành việc cấu hình TTHC đã được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và triển khai thực hiện TTHC phù hợp với sắp xếp đơn vị hành chính, mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Triển khai thực hiện đảm bảo 100% dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia thông suốt, hiệu quả, không bị gián đoạn khi sắp xếp đơn vị hành chính và triển khai mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; hoàn thành việc cấp tài khoản cho cán bộ, công chức, viên chức trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, cấp chữ ký số chuyên dùng đảm bảo vận hành thông suốt từ ngày 01/7/2025.

<sup>73</sup> Như: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh Cao Bằng; Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Cao Bằng; Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến; Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Cao Bằng...



khai tại trung tâm thành phố Cao Bằng. 100% UBND cấp huyện, xã đã được kết nối Internet băng rộng cố định và di động (3G, 4G); khoảng 80% xã có hệ thống đài truyền thanh. Dịch vụ bưu chính, viễn thông trên địa bàn được duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu của người dân, với sự tham gia của 05 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ. Công tác đảm bảo an toàn dữ liệu người dùng tiếp tục được chú trọng và tăng cường. Tuy nhiên, hạ tầng số còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; toàn tỉnh hiện còn 169 thôn, xóm (chiếm 11,6%) chưa được phủ sóng di động băng rộng, nguyên nhân chủ yếu do điều kiện phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, nguồn lực đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số còn hạn chế. Trong 6 tháng đầu năm, tỉnh đã lắp đặt 03 cụm thông tin điện tử tại khu vực biên giới (02 cụm tại huyện Trùng Khánh, 01 cụm tại huyện Quảng Hòa); dự kiến sẽ đầu tư thêm 01 cụm tại huyện Hà Quảng trong năm 2025.

### ***1.12. Phát triển văn hóa, thể thao, du lịch và truyền thông***

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn, lễ hội đầu Xuân Ất Tỵ được tổ chức đảm bảo an toàn, lành mạnh; công tác bảo tồn, tôn tạo di tích, di sản được triển khai hiệu quả<sup>74</sup>; triển khai kế hoạch thực hiện “Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2025, các quy định của pháp luật về đảm bảo quyền bình đẳng và phòng, chống bạo lực trong gia đình; tiếp tục đôn đốc, triển khai thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà văn hoá xóm, tổ dân phố<sup>75</sup>.

Chỉ đạo tổ chức và tham gia nhiều sự kiện, lễ hội văn hóa đặc sắc: Chương trình nghệ thuật chào năm mới năm 2025; Chương trình nghệ thuật chào Xuân Ất Tỵ năm 2025; Hội Báo Xuân Ất Tỵ năm 2025; Lễ hội về nguồn Pác Bó (huyện Hà Quảng); các hoạt động kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Cao Bằng (01/4/1930 - 01/4/2025); tổ chức Chương trình Công bố khai thông tuyến du lịch thành phố Cao Bằng (Việt Nam) - thành phố Bách Sắc (Trung Quốc) và ngược lại, mang chủ đề “Núi sông liền một dải, cùng du lịch qua biên giới”; tham gia các hoạt động trong khuôn khổ chương trình “Sắc màu Văn hóa các dân tộc Việt Nam” tại Làng văn hoá du lịch các dân

<sup>74</sup> Cụ thể: rà soát, bổ sung Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Khảo sát thu thập thông tin các di tích thành nhà Mạc, xã Hưng Đạo, (thành phố Cao Bằng); Tiếp tục triển khai phương án di chuyển hiện vật lên Bảo tàng mới tại Km5 phường Đề Thám, Thành phố Cao Bằng; tiến hành khảo sát di tích Lũng Cát, di tích Đồn Đồng Mu chuẩn bị triển khai dự án tôn tạo; đôn đốc nhà thầu thi công triển khai công tác cải tạo, sửa chữa di tích hang Không Hầu, Khu di tích Quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950.

<sup>75</sup> Triển khai NQ 24/NQ-HĐND về chủ trương đầu tư Chương trình hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà văn hoá xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2025: Toàn tỉnh hỗ trợ đầu tư xây dựng tổng 106 nhà (62 xây mới, 44 sửa chữa); đã thực hiện 74 nhà (43 xây mới, 31 sửa chữa); còn 32 nhà chưa thực hiện (19 xây mới, 13 sửa chữa).



tộc Việt Nam, Hội diễn “Tiếng hát Làng Sen” kỷ niệm 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2025) tại tỉnh Nghệ An; tham gia triển lãm “Không gian du lịch, di sản văn hóa, danh thắng và sản phẩm thủ công truyền thống Việt Nam” tại thành phố Huế,... góp phần quảng bá hình ảnh, văn hóa, con người Cao Bằng đến bạn bè trong và ngoài nước.

Các hoạt động thể dục, thể thao tiếp tục được quan tâm tổ chức rộng khắp, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Công tác đào tạo, huấn luyện và thi đấu được triển khai bài bản. Đoàn vận động viên tỉnh tham dự 07 giải khu vực và toàn quốc, đạt 61 huy chương (13 HCV, 25 HCB, 23 HCD). Tham dự 02 giải thể thao quốc tế: Giải vô địch trẻ châu Á môn JuJitsu tại Thái Lan đạt 02 HCV, 01 HCB, 10 HCD; Giải vô địch bóng bàn trẻ Đông Nam Á tại Indonesia đạt 01 HCD. Tổ chức thành công Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân, 01 giải thể thao cấp quốc gia tại tỉnh và 05 giải thể thao cấp tỉnh; phối hợp với Cục Thể dục thể thao khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây và chính quyền nhân dân thành phố Sùng Tả tổ chức thành công cuộc thi Bán Marathon Đại Tân đến biên giới khu cảnh quan Thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc).

Tiếp tục triển khai nội dung đột phá phát triển Du lịch - Dịch vụ, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch phát triển du lịch giai đoạn 2025 - 2030; hoàn thiện bộ tiêu chí du lịch cộng đồng bền vững và hướng dẫn chuyển đổi số cho các địa phương, cơ sở du lịch; phát triển sản phẩm du lịch theo hướng đa dạng, gắn với tài nguyên bản địa, sản phẩm OCOP và làng nghề truyền thống<sup>76</sup>. Công tác chuyển đổi số trong du lịch được đẩy mạnh với trên 250 điểm đến, cơ sở lưu trú được số hóa và tích hợp trên bản đồ số du lịch; triển khai mã QR hỗ trợ thông tin và mô hình “Du lịch số - mỗi xã một sản phẩm” trên các nền tảng số như YouTube, Facebook, TikTok, Google Map. Hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch được thực hiện linh hoạt, sáng tạo<sup>77</sup>; tiếp tục triển khai Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc)<sup>78</sup>; tỉnh đã phối hợp với UNESCO tổ chức kiểm tra giữa kỳ Công viên địa chất toàn cầu và tham gia các diễn đàn quốc tế như ASEAN+3, Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO... Trong 6 tháng đầu năm, tổng lượt khách ước đạt 1.520.063 lượt, đạt 60,8% KH, tăng 47,7% so với cùng kỳ<sup>79</sup>; tổng thu du lịch ước đạt 1.543 tỷ đồng, đạt 77,1% KH, tăng 95,8% so với cùng kỳ; công suất sử dụng phòng ước đạt 55%.

<sup>76</sup> Tỉnh đã chỉ đạo triển khai xây dựng các mô hình du lịch cộng đồng tại các huyện Trùng Khánh, Nguyên Bình, Thạch An và Hà Quảng, đồng thời phát triển các sản phẩm du lịch nông nghiệp - sinh thái gắn với bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số.

<sup>77</sup> Tỉnh đã tham gia Hội chợ Du lịch Quốc tế VITM Hà Nội 2025 và các sự kiện liên kết vùng Đông Bắc nhằm quảng bá sản phẩm du lịch địa phương; ngoài ra, các đoàn Famtrip, Presstrip từ Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bắc Kạn, Lạng Sơn đã được tổ chức tham quan và trải nghiệm sản phẩm du lịch mới, qua đó tăng cường kết nối tour - tuyến. Tỉnh cũng ký kết biên bản hợp tác với các tỉnh bạn, thúc đẩy phát triển du lịch liên vùng.

<sup>78</sup> Triển khai các nội dung tại biên bản cuộc hội đàm lần thứ 14; Phối hợp khảo sát khu vực mốc 53 cũ để triển khai công trình “Quảng trường mốc giới” khu vực mốc 835, 835/1 (mốc 53 cũ). Phối hợp hoàn thiện bản ghi nhớ về hợp tác xây dựng công trình về quảng trường mốc giới (phía Trung Quốc: Quảng trường văn hóa).

<sup>79</sup> Trong đó: Khách du lịch quốc tế ước đạt 57.922 lượt, tăng 176,8% so với cùng kỳ (đạt 28,9% KH); Khách du lịch nội địa ước đạt 1.462.141 lượt, tăng 44,3% so với cùng kỳ (đạt 63,5% KH).



Công tác chỉ đạo, định hướng thông tin được thực hiện kịp thời, hiệu quả. Các cơ quan báo chí, truyền thông địa phương và văn phòng đại diện báo chí Trung ương trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, trong đó tập trung tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và lộ trình thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Các cơ quan thông tin điện tử (Báo Cao Bằng điện tử, Cổng Thông tin điện tử, các Trang thông tin điện tử) tuân thủ quy định pháp luật, phản ánh kịp thời tình hình thời sự chính trị, kinh tế - xã hội. Công tác theo dõi, quản lý thông tin báo chí, mạng xã hội được tăng cường; kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý, tiếp thu thông tin theo quy định.

### ***1.13. Công tác dân tộc, tôn giáo***

Triển khai thực hiện tốt các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh<sup>80</sup>; thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền cổ động, đưa thông tin văn hóa về cơ sở, bảo tồn và phát triển các môn thể dục, thể thao truyền thống của các dân tộc; thực hiện tốt các chế độ chính sách hỗ trợ đối với học sinh<sup>81</sup>, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi<sup>82</sup>; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em, đối tượng là phụ nữ và trẻ em gái tại các xã và xóm đặc biệt khó khăn; các chính sách đối với nghệ nhân, người có uy tín, già làng, trưởng bản trong đồng bào các dân tộc thiểu số được chú trọng, quan tâm<sup>83</sup>; đồng thời, tập trung đẩy nhanh tiến

<sup>80</sup> Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Quyết định 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số; Quyết định 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; các chính sách, dự án giảm nghèo; chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới,...

<sup>81</sup> Đã thực hiện phát gạo và chi trả hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở hỗ trợ học sinh bán trú và học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐCP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, cụ thể: Hỗ trợ gạo cho 36.559 học sinh với 2.186.190 kg, Hỗ trợ tiền ăn cho 35.170 học sinh với số tiền 38.284.091,76 triệu đồng; Hỗ trợ tiền nhà ở cho 16.312 học sinh với số tiền 1.907.842,85 triệu đồng. Miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, cụ thể: Miễn học phí cho 48.144 học sinh, Giảm 70% học phí cho 906 học sinh, giảm 50% học phí cho 13.449 học sinh, Hỗ trợ chi phí học tập cho 82.459 học sinh. Hỗ trợ đối với trẻ mẫu giáo, học sinh các DTTS rất ít người theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ cho 889 học sinh với số tiền là 1.535.246,69 triệu đồng. Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ, cụ thể: hỗ trợ ăn trưa cho 19.545 trẻ, hỗ trợ dạy lớp ghép cho 556 giáo viên, hỗ trợ dạy tăng cường tiếng Việt cho 490 giáo viên,...

<sup>82</sup> Trong kỳ báo cáo, các đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng đã tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Tày, tiếng Mông) với tổng số 101 học viên tham gia.

<sup>83</sup> Trong kỳ báo cáo, toàn tỉnh đã cấp báo cho người có uy tín được 118.422 tờ các loại; tổ chức thành công 02 đoàn người có uy tín đi làm việc, giao lưu, gặp mặt, học hỏi kinh nghiệm tại các tỉnh Tây Bắc và thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu. Các huyện: tổ chức được 03 cuộc tặng quà tết cho 495 người có uy tín; khen thưởng 70 người có uy tín; thăm ốm 05 trường hợp; tổ chức 05 đoàn người có uy tín đi học tập kinh nghiệm các mô hình trong tỉnh,...



độ các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sử dụng nguồn vốn của Chương trình<sup>84</sup>. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào các dân tộc thiểu số về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, tuy nhiên, 6 tháng đầu năm vẫn phát sinh 25 cặp tảo hôn xảy ra tại huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hà Quảng, giảm 54,5% so với cùng kỳ năm 2024. Các chính sách hỗ trợ cho nhân dân đã góp phần xoá đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số. Qua đó, tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản ổn định, không phát sinh các điểm nóng, phức tạp. Đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn tỉnh không có hộ di dân tự do đi và đến.

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo tiếp tục được triển khai hiệu quả. Tổ chức đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc nhân dịp Tết Nguyên đán và các dịp lễ trọng được thực hiện chu đáo với 16 lượt hoạt động<sup>85</sup>. Các tổ chức tôn giáo cơ bản chấp hành tốt quy định pháp luật trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh tổ chức thành công Đại lễ Phật đản và Hội nghị tổng kết, triển khai công tác Phật sự. Các giáo xứ tổ chức nhiều hoạt động lễ nghi tôn giáo theo đúng quy định<sup>86</sup>. Tình hình hoạt động của chức sắc, chức việc, người có đạo cơ bản ổn định<sup>87</sup>; không phát sinh điểm nóng về tôn giáo. Công tác nắm tình hình, tuyên truyền, vận động và xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động tôn giáo được thực hiện chặt chẽ, kịp thời. Tổ chức khánh thành, tôn tạo một số công trình tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh<sup>88</sup>.

#### ***1.14. Công tác nội vụ, thanh tra, tư pháp***

##### ***a) Nội vụ***

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chủ động, khẩn trương xây dựng phương án sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc và tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội<sup>89</sup>; tổ chức lấy ý kiến

<sup>84</sup> Triển khai thực hiện 54 công trình đầu tư cơ sở hạ tầng (trong đó: 48 công trình chuyển tiếp, 06 công trình khởi công mới) và xây dựng kế hoạch duy tu bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu,...

<sup>85</sup> Tổ chức đón tiếp các đoàn tổ chức tôn giáo đến thăm và chúc tết Nguyên đán năm 2025 được 03 lượt. Tổ chức thăm, chúc mừng và nắm tình hình: Chức sắc, chức việc, tổ chức tôn giáo nhân dịp tết Nguyên đán năm 2025 được 05 lượt; Chức sắc, chức việc Công giáo và Tin lành tổ chức lễ Phục sinh được 05 lượt; Hoạt động tín ngưỡng tại lễ hội trong các cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo được 03 lượt.

<sup>86</sup> Giáo xứ Hưng Long và Giáo họ Thánh Giuse Thọ tổ chức lễ Quan thầy; Giáo xứ Thanh Sơn tổ chức lễ Tĩnh tâm, lễ Truyền tin; Giáo xứ Cao Bình tổ chức 115 năm ngày thành lập Giáo xứ, 100 năm Dòng Chúa Cứu Thế hiện diện tại Việt Nam, lễ Quan thầy, lễ thêm sức và lễ rửa tội,...

<sup>87</sup> Hoạt động của linh mục có quốc tịch nước ngoài đến thăm các giáo xứ, điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trên địa bàn tỉnh; nắm tình hình tín ngưỡng, tôn giáo trước, trong và sau dịp tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025; nắm tình hình từ thiện của Công giáo, Phật Giáo; nắm tình hình tổ chức “tết chung” của những người tin theo Tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh sau khi được chính quyền địa phương chuyển hoá.

<sup>88</sup> Công trình, trùng tu, tôn tạo gác chuông bảo quản, bảo vật quốc gia Đồi chuông chùa Viên Minh và đền Quan Triều, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng.

<sup>89</sup> Tỉnh Cao Bằng thực hiện giảm 105 ĐVHC cấp xã, từ 161 ĐVHC cấp xã xuống còn 56 ĐVHC cấp xã (gồm 03 phường, 53 xã).



Nhân dân đối với Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã; trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về chủ trương sắp xếp<sup>90</sup>; hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ Nội vụ, Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt. Đồng thời, kịp thời tổ chức tiếp sóng Hội nghị trực tuyến toàn quốc tập huấn về tổ chức bộ máy vận hành theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp đến 100% các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là cấp huyện, cấp xã; tổ chức vận hành thử nghiệm chính quyền cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 20 đến ngày 26/6/2025, công tác vận hành được chuẩn bị kỹ lưỡng, cơ bản đảm bảo theo kế hoạch, đáp ứng tiến độ, qua đó, giúp các địa phương rút kinh nghiệm, hoàn thiện quy trình tổ chức, điều hành, sẵn sàng đưa mô hình chính quyền địa phương hai cấp đi vào hoạt động thông suốt kể từ ngày 01/7/2025, với phương châm “*địa phương làm, địa phương quyết, địa phương chịu trách nhiệm*”; tổ chức tổng kết việc sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; phối hợp tổ chức Lễ công bố Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã. Cùng với đó, tỉnh đã kịp thời cập nhật, ban hành các văn bản triển khai Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) số 72/2025/QH15 và các hướng dẫn liên quan; tiếp tục chỉ đạo rà soát, hoàn thiện thể chế ở cấp địa phương, bảo đảm thống nhất, hiệu lực, hiệu quả trong sắp xếp tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền 02 cấp theo đúng chỉ đạo của Trung ương.

Công tác tổ chức bộ máy sau sắp xếp tiếp tục được tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả<sup>91</sup>; thực hiện công tác cán bộ đối với 107 trường hợp<sup>92</sup>, chế độ chính sách đối với 122 trường hợp, khen thưởng đối với 594 tập thể và cá nhân<sup>93</sup>. Phê chuẩn kết quả bầu bổ sung Phó Chủ tịch UBND huyện Quảng Hoà; tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức năm 2024 đảm bảo an toàn, nghiêm túc<sup>94</sup>; phê duyệt danh sách 138 cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) tinh giản biên chế năm 2024 theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP với tổng kinh phí 23,088 tỷ đồng; phê duyệt danh sách 47 công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP với tổng kinh phí trên 53,095 tỷ đồng; thẩm định, phê duyệt danh sách 579 CBCCVC, người lao động<sup>95</sup> nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc với tổng kinh phí trên 615,31 tỷ đồng; trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết tạm giao 2.508 biên chế cán bộ, công chức

<sup>90</sup> Đến ngày 21/4/2025, các địa phương đã hoàn thành việc lấy ý kiến Nhân dân với tỷ lệ đồng thuận đạt 99,63%; 100% HĐND các cấp tán thành với chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh.

<sup>91</sup> Trình HĐND tỉnh miễn nhiệm, bầu bổ sung 15 Ủy viên UBND tỉnh (miễn nhiệm: 11; Bầu bổ sung: 04); thành lập 06 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trên cơ sở hợp nhất và tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW. Thẩm định, góp ý trên 31 Đề án hợp nhất các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện, các ĐVSNCL, hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; thẩm định thành lập, kiện toàn 51 tổ chức phối hợp liên ngành; góp ý dự thảo quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 08 đơn vị.

<sup>92</sup> Quyết định xét nâng ngạch công chức cán sự lên ngạch chuyên viên đối với 08 cá nhân; Quyết định điều chỉnh quyết định bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính 01 cá nhân.

<sup>93</sup> Trình khen thưởng cấp Nhà nước: 55 tập thể, cá nhân; Thưởng tiền cấp Nhà nước: 04 tập thể được tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước tỉnh Cao Bằng năm học 2023 - 2024; 10 cá nhân được Huân chương lao động các hạng; 4 tập thể, 34 cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Khen thưởng thường xuyên, chuyên đề và đột xuất cho 467 tập thể, cá nhân.

<sup>94</sup> Công nhận kết quả của 217 CBCC (trong đó: Kết quả thi của công chức được Bộ Công thương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi tham dự kỳ thi nâng ngạch là 02 người).

<sup>95</sup> Trong đó, có 578 CBCCVCNLĐ nghỉ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ và 01 CC nghỉ theo Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Cao Bằng.



trong các cơ quan của HĐND, UBND cấp xã và 15.376 biên chế làm việc hưởng lương từ NSNN trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2025; đến ngày 30/6/2025, tỉnh đã hoàn thành việc tiếp nhận, bàn giao tài liệu của các huyện, thành phố kết thúc hoạt động vào Lưu trữ lịch sử.

Tiếp tục đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC trên địa bàn tỉnh để đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc<sup>96</sup>; tăng cường quản lý văn thư, lưu trữ; thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính. Bên cạnh đó, công tác Hội, quản lý địa giới hành chính, quản lý nhà nước về thanh niên, dân vận chính quyền, dân chủ cơ sở ... tiếp tục được quan tâm, triển khai.

#### *b) Thanh tra*

Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được các cơ quan, đơn vị trong tỉnh triển khai nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả. Trong kỳ báo cáo, các cơ quan, đơn vị đã tổ chức 61 cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch (gồm 11 cuộc thanh tra hành chính, 50 cuộc thanh tra chuyên ngành, giảm 38,1% so với cùng kỳ năm 2024). Quá trình thanh tra được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo đúng thẩm quyền, khách quan, công bằng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính. Qua thanh tra đã phát hiện sai phạm số tiền 2.549,16 triệu đồng; kiến nghị thu hồi về ngân sách 1.023,43 triệu đồng (đã thu hồi 100%), kiến nghị xử lý kinh tế khác 1.525,73 triệu đồng. Xử phạt vi phạm hành chính số tiền 741,62 triệu đồng, tỷ lệ thu nộp ngân sách đạt 100%. Không phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm để chuyển cơ quan điều tra.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được chú trọng, có nhiều chuyển biến tích cực. Trong kỳ, toàn tỉnh đã tiếp 705 lượt/713 người, giảm 2% so với cùng kỳ; tiếp nhận 903 đơn thư các loại (khiếu nại: 54 đơn; tố cáo: 39 đơn; kiến nghị, phản ánh: 810 đơn), giảm 10,4%. Trong đó, có 657 đơn thuộc thẩm quyền, đã giải quyết 25/30 đơn khiếu nại (đạt 83,3%) và 9/13 đơn tố cáo (đạt 69,2%). Công tác tiếp công dân được thực hiện nghiêm túc, tăng cường đối thoại, vận động, giải thích, không để xảy ra “điểm nóng”, đơn thư vượt cấp giảm rõ rệt, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh. Các cấp, các ngành đã quán triệt thực hiện nghiêm túc Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Các giải pháp phòng ngừa tham nhũng như công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, quy tắc ứng xử, cải cách hành chính, kê khai tài sản, quản lý tài sản công, tài chính - ngân

<sup>96</sup> 5 tháng đầu năm, toàn tỉnh đã cử 434 CBCCVC tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng (trong đó, có 69 CBCCVC bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp, lãnh đạo quản lý cấp sở và tương đương).



hàng... được triển khai hiệu quả. Vai trò giám sát của HĐND, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, cơ quan báo chí và Nhân dân được phát huy, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

### *c) Tư pháp*

Tiếp tục chỉ đạo triển khai nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị số 36-CT/TU ngày 19/7/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Chỉ đạo rà soát, tổng hợp danh mục đăng ký xây dựng nghị quyết các kỳ họp chuyên đề, kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm 2025. Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 20/6/2025, UBND tỉnh đã xây dựng, trình ban hành 02 Nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) và ban hành 15 văn bản QPPL; ban hành và chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các cấp về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được thực hiện với nhiều hình thức, phù hợp với từng đối tượng<sup>97</sup>; thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. Kết quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024: toàn tỉnh có 142/161 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đạt tỷ lệ 88,2% (tăng 5% so với năm 2023); có 19/161 xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, chiếm tỷ lệ 11,8%. Trong 6 tháng đầu năm, các tổ hòa giải trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 407 vụ việc hòa giải (giảm 174 vụ so với cùng kỳ năm 2024), trong đó, số vụ hòa giải thành 235 vụ việc, (đạt tỷ lệ 57,7%).

Chỉ đạo giải quyết kịp thời, đúng trình tự, thủ tục hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp đảm bảo đáp ứng phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp<sup>98</sup>; thực hiện chứng thực 167.114 bản sao; công chứng hợp đồng giao dịch và các loại việc khác được 12.011 việc; chứng thực chữ ký được 4.785 việc. Hoạt động giám định tư pháp, trợ giúp pháp lý được thực hiện theo quy định<sup>99</sup>; triển khai tốt các nhiệm vụ quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, công tác pháp chế, bồi thường nhà nước (không phát sinh vụ việc bồi thường nhà nước trong kỳ báo cáo).

### ***1.15. Quản lý tài nguyên, môi trường; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu***

*a) Quản lý tài nguyên:* Công tác quản lý đất đai được triển khai đồng bộ với việc thụ lý, giải quyết 08 hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xử

<sup>97</sup> Trong 6 tháng đầu năm 2025, toàn tỉnh tổ chức được 1.076 cuộc PBGDPL với 150.715 lượt người tham gia. Trong đó, cấp tỉnh tổ chức được 308 cuộc, với 87.656 lượt người tham gia.

<sup>98</sup> Trong 6 tháng đầu năm 2025, toàn tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết 6.011 hồ sơ đăng ký hộ tịch (giảm 22,4% so với cùng kỳ năm 2024). Trong đó, đăng ký khai sinh 3.396 trường hợp; đăng ký khai tử 1.809 trường hợp; đăng ký kết hôn 1.237 cặp vợ chồng).

<sup>99</sup> Trong 6 tháng đầu năm 2025, tổng số vụ việc giám định tư pháp phát sinh trên toàn tỉnh là 289 vụ việc (trong đó, có 280 vụ việc theo trung cầu của cơ quan tiến hành tố tụng; 09 vụ việc theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân khác). Trung tâm TGPL thụ lý được 375 vụ việc (trong đó, tư vấn pháp luật 02 vụ việc; tham gia tố tụng 373 vụ việc; đại diện ngoài tố tụng 0 vụ việc).



lý 05 hồ sơ cho thuê đất và soạn thảo 16 hợp đồng thuê đất với tổng diện tích 287.644,7 m<sup>2</sup>. Thực hiện giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích và gia hạn theo quy định, đồng thời xử lý các vướng mắc liên quan bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất quốc phòng. Đã tiếp nhận, xử lý 06 hồ sơ chuyển nhượng, thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phục vụ dự án. Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản được tích cực triển khai với 30/41 hồ sơ được giải quyết (đạt 72%), gồm cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản và phê duyệt trữ lượng, tiền cấp quyền khai thác<sup>100</sup>; Đồng thời, phê duyệt bổ sung, gia hạn khai thác, tận dụng khoáng sản tại một số dự án trọng điểm. Công tác Quản lý tài nguyên nước được tăng cường, UBND tỉnh đã phê duyệt hỗ trợ dịch vụ công ích thủy lợi cho 36.043,89 ha cây trồng (trong đó có 27.285,81 ha lúa và 8.758,08 ha cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày), hoàn thành thanh lý và thực hiện hợp đồng dịch vụ thủy lợi năm 2024-2025. Hoàn tất kiểm kê tài sản hạ tầng cấp nước sạch nông thôn với 1.463 danh mục công trình<sup>101</sup>, đồng thời xử lý thủ tục cấp phép tài nguyên nước cho các công trình thủy điện và cấp nước tập trung.

b) *Môi trường*: UBND tỉnh đã phê duyệt 03 hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); cấp 04 giấy phép môi trường. Công tác tiếp nhận và xử lý các hồ sơ ĐTM và cấp giấy phép môi trường được thực hiện theo quy định<sup>102</sup>, hiện nay đang hoàn thiện 02 phương án cải tạo phục hồi môi trường. Thu phí nước thải công nghiệp quý I/2025 đạt 129,05 triệu đồng; phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản đạt 4,85 tỷ đồng. Công tác dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn được chú trọng, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời phục vụ đời sống và phát triển kinh tế - xã hội<sup>103</sup>.

c) *Công tác phòng chống thiên tai và diễn biến thiên tai*: UBND tỉnh đã kiểm tra, đánh giá và đề xuất giải pháp an toàn tại các khu vực nguy cơ trượt lở đất ở huyện Thạch An; triển khai kế hoạch viện trợ quốc tế khắc phục hậu quả bão YAGI do UNICEF tài trợ và phối hợp Ngân hàng Phát triển Châu Á lập danh sách hộ hưởng lợi; chỉ đạo tổ chức tập huấn nâng cao năng lực phòng chống thiên tai tại huyện Nguyên Bình; triển khai Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật; rà soát và cập nhật kế hoạch phòng chống thiên tai 2025. Công tác phòng chống hạn hán được triển khai đồng bộ, UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành Nông nghiệp và Môi trường rà soát nguồn nước, đánh giá năng lực công trình thủy lợi, xây dựng phương án cấp nước, hướng dẫn

<sup>100</sup> Cấp 01 giấy phép thăm dò, 03 giấy phép khai thác khoáng sản, phê duyệt trữ lượng 01 mỏ đá, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác và xác nhận khu vực khai thác cho 02 công trình.

<sup>101</sup> Trong đó 971 danh mục có nguyên giá bằng 01 đồng, 492 danh mục có nguyên giá lớn hơn 01 đồng.

<sup>102</sup> Sở ngành chuyên môn tiếp nhận, xử lý 08 hồ sơ ĐTM (03 hồ sơ được phê duyệt, 01 hồ sơ trả lại, 04 hồ sơ đang chỉnh sửa), tiếp nhận 17 hồ sơ cấp giấy phép môi trường (04 hồ sơ đã cấp, 01 trả lại, 10 đang bổ sung, 02 chờ thành lập Hội đồng thẩm định).

<sup>103</sup> Đã thực hiện quan trắc đợt 1, 2 với 132 mẫu nước mặt, 146 mẫu không khí, 20 mẫu nước dưới đất, 13 mẫu đất và 06 mẫu đối chứng. Quan trắc, phân tích môi trường tại 35 cơ sở sản xuất, thu thập 151 mẫu các loại. Theo dõi, bảo dưỡng định kỳ 02 trạm quan trắc nước và 02 trạm quan trắc không khí tự động, đảm bảo hoạt động ổn định. Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy phép môi trường cho 02 dự án thủy điện; lập hồ sơ đăng ký môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường cho 03 dự án khai thác khoáng sản và sản xuất công nghiệp; phối hợp thẩm định, chỉnh sửa hồ sơ cho 01 dự án bệnh viện và triển khai lập hồ sơ cho 02 dự án chăn nuôi, y tế.



chuyển đổi cây trồng, áp dụng biện pháp tưới tiết kiệm và duy tu công trình thủy lợi, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền để người dân chủ động thích ứng.

Tính đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh đã ghi nhận nhiều đợt rét đậm, rét hại (không gây thiệt hại) và 06 đợt đông lốc, sét, sạt lở đất cục bộ xảy ra tại các huyện Bảo Lâm, Hà Quảng, Hòa An, gây thiệt hại ước khoảng 2,26 tỷ đồng (bằng 4,2% so với cùng kỳ năm 2024). Thiệt hại chủ yếu gồm: 01 người chết; 01 người bị thương; 127 nhà bị ảnh hưởng, hư hỏng; 201,401ha nông nghiệp bị thiệt hại (trong đó lúa bị thiệt hại 13,265 ha; hoa màu 136,076 ha; cây trồng hàng năm 52,2 ha); một số công trình phụ trợ bị hư hỏng,... Ngay sau thiên tai, các địa phương đã chủ động thống kê thiệt hại, triển khai biện pháp khắc phục, hỗ trợ nhân dân ổn định đời sống và khôi phục sản xuất.

#### ***1.16. Hoạt động đối ngoại; công tác quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội***

*a) Hoạt động đối ngoại:* Thực hiện tốt công tác biên giới lãnh thổ, kịp thời xử lý các vụ việc trên biên giới<sup>104</sup>. Tăng cường hợp tác quốc tế, góp phần quảng bá vẻ đẹp Non nước Cao Bằng, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, đồng thời kêu gọi, kết nối các nhà đầu tư đến với tỉnh Cao Bằng. Trong đó nổi bật là, tỉnh tham dự Chương trình Gặp gỡ đầu xuân năm 2025 và Hội nghị lần thứ 16 Ủy ban Công tác liên hợp giữa các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang (Việt Nam) và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) tại tỉnh Quảng Ninh; tổ chức Đoàn công tác của tỉnh tham dự Hội nghị “Gặp gỡ Hàn Quốc 2025” tại tỉnh Hưng Yên; tổ chức Hội nghị trực tuyến giữa tỉnh Cao Bằng và Chính quyền nhân dân Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc; tổ chức Đoàn công tác của tỉnh thăm, làm việc tại Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc). Đón tiếp và làm việc với các Đoàn: Đại sứ quán Nhật Bản, Đại sứ quán Ấn Độ tại Việt Nam, Đoàn đại biểu Thành phố Bách Sắc, Quảng Tây Trung Quốc; Đoàn Doanh nghiệp Tập đoàn Xây dựng Thái Bình Dương, Trung Quốc,...

Giao lưu, hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh, trong 6 tháng đầu năm 2025, có 34 đoàn/346 lượt người đi công tác nước ngoài; giải quyết 28 hồ sơ với số lượng 54 cá nhân đi du lịch nước ngoài theo nguyện vọng cá nhân; Đoàn vào: 11 đoàn/141 lượt người; Chuyên gia nước ngoài: Có 29 đoàn/195 lượt khách quốc tế, chuyên gia, cá nhân người nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh. Phối hợp với Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Nam Ninh (Trung Quốc) triển khai thực hiện Kế hoạch tuyển sinh đào tạo đối ứng trình độ đại học cho lưu học sinh Quảng Tây (Trung Quốc) năm 2025; cử đoàn cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đi tham gia Lớp bồi dưỡng chuyên đề trí tuệ nhân tạo tại Nam Ninh, Trung Quốc; thực hiện thủ tục ký kết 02 văn bản ký kết cấp tỉnh; 11 văn bản ký kết cấp Sở, ngành, địa phương. Thực hiện công tác bảo hộ công dân theo quy

<sup>104</sup> Phối hợp tổ chức Hội nghị tổng kết công tác biên giới Việt Nam - Trung Quốc năm 2024, triển khai nhiệm vụ năm 2025; khảo sát khu vực thác Bản Giốc và một số khu vực biên giới. Phối hợp các bộ, ngành khảo sát, đo đạc tại các khu vực biên giới bị sạt lở; rà soát, thống kê đoạn biên giới đã phát quang gửi Bộ Ngoại giao. Cho phép huyện Hạ Lang khảo sát, hội đàm thực địa với huyện Đại Tân (Trung Quốc) về công trình đường tuần tra khu vực 844(1),...



định, phối hợp giữa các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam, Đại sứ quán Việt Nam tại nước ngoài và các đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh hỗ trợ về công tác lãnh sự và bảo hộ công dân giải quyết, xử lý 08 vụ việc. Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và phía Trung Quốc trong công tác cửa khẩu, lối mở<sup>105</sup>. Quản lý giấy phép hoạt động của các tổ chức, thẩm định, phê duyệt tiếp nhận các khoản viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đảm bảo đúng quy định<sup>106</sup>.

*b) Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội:*

Quốc phòng, an ninh biên giới, an ninh chính trị nội bộ, an ninh vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo được đảm bảo. Các lực lượng duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh trật tự trên địa bàn. Tổ chức huấn luyện, diễn tập sẵn sàng chiến đấu, Lễ ra quân huấn luyện, Hội thi công tác chuẩn bị huấn luyện, huấn luyện chiến sĩ mới, diễn tập chiến thuật cấp Trung đội đạt yêu cầu, bảo đảm an toàn. Tiếp nhận, điều động quân số đúng biên chế; tổ chức giao nhận quân năm 2025 đạt 100% chỉ tiêu (800/800 công dân); thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự, hướng nghiệp, đăng ký tuyển sinh năm 2025. Tổ chức Hội nghị Hiệp đồng giao chỉ tiêu huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên lực lượng dự bị động viên năm 2025. Triển khai thực hiện Luật Dân quân tự vệ (DQTV); giải thể, sắp xếp lại tổ chức DQTV; tổ chức 35 lớp tập huấn cho 3.415 lượt cán bộ; lực lượng DQTV hoạt động thường xuyên, hiệu quả trong tuần tra, canh gác, phòng chống thiên tai, cháy nổ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Cùng cố Hội đồng Giáo dục Quốc phòng và An ninh các cấp; tuyên truyền, phổ biến kiến thức quốc phòng, an ninh với 267 tin, bài; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng quốc phòng, an ninh theo quy định.

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn được giữ vững, ổn định; không để hình thành “điểm nóng”, phức tạp; an ninh dân tộc, tôn giáo cơ bản ổn định, chưa phát hiện Tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh tái hoạt động trở lại. Bảo đảm tuyệt đối an ninh trật tự trong dịp Tết Nguyên đán và các lễ, hội, an toàn hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến thăm và làm việc tại tỉnh, các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, đối ngoại, văn hóa, xã hội quan trọng diễn ra trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Bộ Công an đăng cai tổ chức thành công hội thi thể thao nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn cứu hộ năm 2025, vòng thứ hai, khu vực I. Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống xuất, nhập cảnh trái phép<sup>107</sup>; tình hình tội phạm về trật tự xã hội được kiềm chế<sup>108</sup>, tỷ lệ

<sup>105</sup> Báo cáo Bộ Ngoại giao về việc phía Trung Quốc khôi phục thủ tục xuất nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế Trà Lĩnh – Long Bang; xin ý kiến chỉ đạo về việc khôi phục thông quan tại các cửa khẩu Pò Peo – Nhạc Vu, Hạ Lang – Khoa Giáp và lối thông quan Đình Phong – Tân Hưng. Hoàn thiện hồ sơ đề xuất mở lối thông quan hàng hóa cầu đường bộ II Tà Lùng – Thủy Khẩu. Báo cáo UBND tỉnh về tình hình và phương án triển khai đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa tại cửa khẩu Sóc Giang – Bình Mãng. Tổ chức Lễ công bố mở cửa khẩu song phương Lý Vạn – Thạch Long và triển khai thủ tục nâng cấp lên cửa khẩu quốc tế.

<sup>106</sup> Trong 5 tháng đầu năm đã tiếp nhận 09 dự án, phi dự án với tổng số vốn cam kết là 2.250.216,1 USD, giá trị giải ngân 333.216,1 USD.

<sup>107</sup> Trong kỳ, phát hiện, tiếp nhận 1.227 trường hợp vi phạm xuất nhập cảnh (giảm 46,6% so với cùng kỳ năm 2024), chủ yếu là công dân Việt Nam bị Trung Quốc trao trả hoặc tự nhập cảnh trái phép. Xử lý 20 vụ/52



điều tra, khám phá đạt mức cao, chủ động phát hiện, đấu tranh hiệu quả với tội phạm, vi phạm pháp luật về kinh tế, ma túy, môi trường<sup>109</sup>; phát huy hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc (ANTQ) từ tỉnh đến cơ sở, trong đó tập trung các tuyến, địa bàn lĩnh vực trọng điểm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm ANTT trong tình hình mới<sup>110</sup>,.... Thực hiện tốt công tác quản lý, thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo<sup>111</sup>; quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT, quản lý cư trú, con dấu<sup>112</sup>; công tác phòng, chống tệ nạn xã hội<sup>113</sup>; bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ<sup>114</sup> thực hiện Đề án 06 của Chính phủ và toàn thông tin<sup>115</sup>, tạo môi trường xã hội trật tự, kỷ cương góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

## 2. Đánh giá chung

### 2.1. Kết quả đạt được

Trong 6 tháng đầu năm 2025, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục có những chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực, là động lực phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới. Một số cây trồng chủ lực đạt kết quả khả quan, như: diện tích thuốc lá vượt 31,6% kế hoạch, dong riềng vượt 76% kế hoạch. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng nhẹ so với cùng kỳ. Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ và du lịch phục hồi rõ nét; so với cùng kỳ, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tăng 14,9%; kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 42,7%. Tổng thu ngân sách nhà nước vượt 16,5% dự toán Trung ương giao, vượt 9,6% dự toán HĐND tỉnh giao,

---

người nước ngoài nhập cảnh trái phép; ngăn chặn 22 vụ/35 công dân Việt Nam xuất cảnh trái phép. Khởi tố 17 vụ/26 bị can; xử phạt hành chính 211 trường hợp, thu 760,88 triệu đồng.

<sup>108</sup> Toàn tỉnh xảy ra 47 vụ phạm tội về trật tự xã hội (giảm 39%), làm 5 người chết, 5 người bị thương, thiệt hại ước 1,68 tỷ đồng (không tính các vụ đánh bạc, mại dâm, lừa đảo qua mạng). Kết quả: điều tra khám phá 47/47 vụ, bắt giữ 64 đối tượng, đạt tỷ lệ 100%. Khởi tố 119 vụ/217 bị can; đề nghị truy tố 106 vụ/197 bị can; xử lý hành chính 70 vụ/222 đối tượng, thu phạt 376 triệu đồng.

<sup>109</sup> Phát hiện, xử lý 473 vụ/528 đối tượng vi phạm pháp luật về kinh tế, tham nhũng, chức vụ (giảm 4%); khởi tố 27 vụ/58 bị can; xử phạt hành chính 5,81 tỷ đồng. Về môi trường, tài nguyên, ATTP: xử lý 276 vụ (tăng 20,5%); khởi tố 8 vụ/14 bị can; phạt hành chính 3,08 tỷ đồng. Ma túy: phát hiện 122 vụ/174 đối tượng (giảm 33%); khởi tố 110 vụ/155 bị can; xử phạt hành chính 77,5 triệu đồng. Tội phạm công nghệ cao: phát hiện 28 vụ/44 đối tượng (tăng 366,7%); khởi tố 20 vụ/37 bị can; ngăn chặn 2 vụ lừa đảo, bảo vệ tài sản cho người dân trị giá trên 2 tỷ đồng.

<sup>110</sup> Tổ chức 876 cuộc tuyên truyền pháp luật với 70.860 lượt người tham dự, phát 16.298 tờ rơi. Nhân rộng 14 mô hình mới, duy trì hiệu quả 41 loại mô hình toàn dân bảo vệ ANTQ với hơn 1.316 tổ, điểm trên địa bàn tỉnh.

<sup>111</sup> Vận động thu hồi 260 khẩu súng các loại, 13 lựu đạn, 463 viên đạn, 865,2 kg thuốc nổ, 2.469 kíp nổ, cùng nhiều vũ khí, vật liệu nổ khác. Dịp Tết Nguyên đán 2025, bảo đảm tuyệt đối ANTT, không xảy ra đốt pháo trái phép; các sự kiện, hoạt động Tết diễn ra an toàn, lành mạnh.

<sup>112</sup> Kiểm tra 384 lượt cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự, xử phạt 96 trường hợp với tổng số tiền 153,5 triệu đồng.

<sup>113</sup> Đến ngày 31/5/2025, toàn tỉnh có 1.585 người nghiện có hồ sơ quản lý (giảm 201 người so với cùng kỳ năm 2024), 624 người sử dụng trái phép chất ma túy (tăng 201 người); 946 người nghiện đang điều trị Methadone; 1.737 người nghiện/sử dụng ma túy đang ngoài xã hội (chiếm 78,6%).

<sup>114</sup> Đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh xảy ra 43 vụ va chạm, tai nạn giao thông, làm 18 người chết, 40 người bị thương, thiệt hại ước 1,12 tỷ đồng (giảm mạnh cả 3 tiêu chí so với cùng kỳ 2024: giảm 52,7% số vụ; 14,3% số người chết; 60,8% số người bị thương). Xảy ra 06 vụ cháy (3 nhà, 1 chợ, 2 rừng), bằng so với cùng kỳ năm 2024; nguyên nhân do chập điện và sơ suất trong sử dụng lửa của người dân.

<sup>115</sup> Thu nhận 22.991 hồ sơ cấp Căn cước, thu nhận 29.586 hồ sơ tài khoản định danh điện tử cho công dân. Hệ thống giám sát an toàn thông tin tỉnh Cao Bằng (SOC) duy trì, hoạt động ổn định. Từ đầu tháng 3/2025 đến nay đã xử lý 1.173 cảnh báo xâm nhập, khắc phục 36 máy tính nhiễm mã độc.



tăng 78% so với cùng kỳ (riêng thu từ xuất nhập khẩu vượt 91% dự toán Trung ương giao, vượt 88% dự toán HĐND tỉnh giao). Hoạt động du lịch khởi sắc, lượt khách và doanh thu đều tăng so với cùng kỳ. Các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, an sinh xã hội tiếp tục được chú trọng, đáp ứng tốt nhu cầu của Nhân dân; giáo dục mũi nhọn đạt nhiều kết quả tích cực (tỉnh đạt 3 giải quốc tế cuộc thi VEX Robotics); chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát được triển khai quyết liệt, đạt tiến độ tốt. Công tác sắp xếp đơn vị hành chính, xây dựng chính quyền địa phương hai cấp được thực hiện khẩn trương, đảm bảo tiến độ. Hoạt động đối ngoại được tăng cường; quốc phòng, an ninh tiếp tục được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

## **2.2. Tồn tại hạn chế**

Tăng trưởng kinh tế quý I/2025 chưa đạt mục tiêu kịch bản đề ra.

Ước sản lượng lương thực có hạt 6 tháng đầu năm chưa đạt mục tiêu đề ra; dịch tả lợn Châu phi diễn biến phức tạp; công tác di dời chuồng trại gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở, tiến độ xây dựng nông thôn mới chậm, chưa có thêm xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới.

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp giảm so với cùng kỳ; tiềm năng du lịch - dịch vụ của tỉnh chưa được khai thác hiệu quả.

Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, tiến độ triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia đạt thấp so với mục tiêu phấn đấu; công tác thu từ đất và tài sản gắn liền với đất gặp khó khăn (chưa tổ chức đấu giá địa chỉ nào).

Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) xếp hạng thấp (63/63 cả nước); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024 giảm điểm so với năm 2023.

Khả năng hấp thụ vốn và sức cầu của nền kinh tế còn thấp; thu hút đầu tư ngoài ngân sách gặp nhiều khó khăn, chưa có dự án FDI mới; số doanh nghiệp quay lại hoạt động giảm; số doanh nghiệp rút lui tăng.

Cơ sở vật chất trường học còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu dạy học; thiếu giáo viên, nhất là các môn theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Tin học, Tiếng Anh); tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp gặp nhiều khó khăn; tỷ lệ bao phủ BHYT còn thấp; một số bệnh truyền nhiễm qua đường hô hấp diễn biến phức tạp.

Tình hình an ninh trật tự, an toàn thực phẩm, an toàn cháy nổ và tội phạm sử dụng công nghệ cao tiếp tục tiềm ẩn yếu tố phức tạp,...

## **2.3. Nguyên nhân**

*Nguyên nhân của kết quả đạt được:* Sự chỉ đạo điều hành quyết liệt, tập trung của các cấp, ngành; sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, Nhân dân; các chính sách phục hồi, hỗ trợ phát triển sản xuất - kinh doanh được triển khai hiệu quả; công tác tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm được triển khai đồng bộ, quyết liệt từ đầu năm.

*Nguyên nhân tồn tại, hạn chế:*

Các động lực tăng trưởng chưa có sự bứt phá rõ nét, một số ngành phục hồi



chậm (đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ vận tải); sức cầu và khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế còn yếu; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt yêu cầu, chưa tạo lực đẩy cho tăng trưởng. Bên cạnh đó, chất lượng dự báo kích bản tăng trưởng chưa sát với thực tiễn, số liệu ước tính ban đầu chưa phản ánh đúng xu hướng vận động của nền kinh tế, dẫn đến việc xây dựng mục tiêu tăng trưởng cao hơn khả năng thực hiện.

Tình hình thời tiết diễn biến bất thường, khô hạn kéo dài ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là cây trồng vụ xuân và công tác trồng rừng. Nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới chưa được bố trí kịp thời, đồng bộ, một số xã còn lúng túng trong tổ chức triển khai thực hiện, nhất là các tiêu chí về thu nhập, môi trường, hạ tầng thiết yếu; khó khăn về quỹ đất, điều kiện kinh tế của người dân còn hạn chế, trong khi giá vật tư xây dựng tăng cao ảnh hưởng đến công tác di dời di dời chuồng trại.

Quy mô sản xuất nhỏ, năng lực yếu; thị trường tiêu thụ một số sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thu hẹp, giá cả đầu vào tăng, đầu ra khó tiêu thụ do sức mua chưa phục hồi đồng đều ảnh hưởng tiêu cực đến toàn ngành công nghiệp, đặc biệt là lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo - vốn là ngành được kỳ vọng tạo động lực tăng trưởng. Hạ tầng du lịch - dịch vụ còn hạn chế, thiếu đồng bộ nên chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Các sản phẩm du lịch, tiểu thủ công nghiệp thiếu đổi mới, chưa gắn với thị trường mục tiêu.

Một số chính sách, chương trình hỗ trợ từ Trung ương triển khai chậm, ảnh hưởng đến tiến độ tổ chức thực hiện và giải ngân vốn; vướng mắc trong giải phóng mặt bằng, thiếu nguyên liệu đất, đá... thi công; bên cạnh đó, việc xây dựng, điều chỉnh kế hoạch vốn, hồ sơ, thủ tục đầu tư công còn chậm; năng lực tổ chức triển khai thực hiện của một số chủ đầu tư còn hạn chế. Việc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất chưa được triển khai tại bất kỳ địa chỉ nào, chủ yếu do chậm trễ trong các bước chuẩn bị tổ chức đấu giá, đặc biệt là việc xác định giá khởi điểm và các địa phương chưa chủ động triển khai thực hiện ngay sau khi Kế hoạch thu từ đất năm 2025 được ban hành.

Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh gặp nhiều khó khăn, chưa có chuyển biến rõ rệt; một số chỉ số thành phần còn ở mức thấp nhưng chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả. Công tác đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp chưa thực sự phát huy hiệu quả; hoạt động xúc tiến đầu tư - thương mại - du lịch còn rời rạc, chưa có chiến dịch dài hạn. Việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư, doanh nghiệp còn chậm, còn tâm lý né tránh trách nhiệm, sợ sai. Mặt khác, hạ tầng khu - cụm công nghiệp chưa hoàn thiện, thiếu quỹ đất sạch gây khó khăn cho thu hút đầu tư, triển khai các dự án công nghiệp.

Điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh còn có nhiều khó khăn, nguồn lực cho cơ sở vật chất giáo dục, chuyển đổi số còn hạn chế; công tác tuyển dụng giáo viên gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn tuyển. Nhận thức của người dân, doanh nghiệp về ứng dụng công nghệ, số hóa còn chưa đồng đều; ý thức chấp hành pháp luật về phòng, chống tội phạm, cháy nổ, an toàn giao thông của một bộ phận người dân chưa cao,...



**Phần thứ hai**  
**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**  
**6 THÁNG CUỐI NĂM 2025**

Trong thời gian tới, dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu; các xu hướng mới về khoa học công nghệ, xanh hoá, số hoá, các vấn đề an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu an ninh nguồn nước, an ninh mạng... tiếp tục tác động đến sự ổn định và phát triển của thế giới, khu vực. Trong nước, tình hình chính trị - xã hội, kinh tế vĩ mô ổn định, các chủ trương, quyết sách lớn, quy định của pháp luật mới được triển khai tích cực, sớm đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả.

Đối với tỉnh Cao Bằng, kinh tế - xã hội được kỳ vọng tiếp tục có chuyển biến tích cực nhờ các động lực: phát triển kinh tế cửa khẩu, thúc đẩy du lịch - dịch vụ, chuyển đổi số và đẩy mạnh giải ngân đầu tư công. Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi cơ bản còn tồn tại nhiều khó khăn, thách thức đan xen, nhất là những yếu tố bất lợi từ bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại đã kéo dài nhiều năm; trong khi đó, yêu cầu cho đầu tư phát triển, đảm bảo an sinh xã hội và củng cố quốc phòng an ninh rất lớn nhưng nguồn lực hạn chế, đòi hỏi tuyệt đối không chủ quan, tiếp tục đổi mới tư duy phát triển, hành động quyết liệt, hiệu quả hơn.

Để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, đặc biệt là mục tiêu tăng trưởng GRDP đạt 8%, UBND tỉnh xác định các nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung triển khai thực hiện trong 6 tháng cuối năm như sau:

## **I. NHIỆM VỤ CHUNG**

**1. Tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế:** Tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025<sup>116</sup>; trong đó, tập trung quán triệt và tổ chức thực hiện 04 Nghị quyết<sup>117</sup> quan trọng của Bộ Chính trị về khoa học - công nghệ, hội nhập quốc tế, đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, phát triển kinh tế tư nhân. Theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình thế giới, khu vực và trong nước; bám sát chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung

<sup>116</sup> Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước với mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên. Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 7/01/2025 của Tỉnh ủy về mục tiêu và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2025; Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 tỉnh Cao Bằng; Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 24/2/2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng về thực hiện Kết luận số 123-KL/TW.

<sup>117</sup> Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân.



ương để kịp thời phân tích, đánh giá, chỉ đạo điều hành; bám sát kịch bản tăng trưởng, rà soát chỉ tiêu, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kịch bản đã đề ra.

2. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện phục vụ tổ chức Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Tiếp tục rà soát, bổ sung, cập nhật và đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025; tập trung đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra. Chủ động chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, báo cáo trình các kỳ họp HĐND tỉnh; đồng thời triển khai hiệu quả các nghị quyết đã được HĐND tỉnh thông qua.

3. Hướng dẫn, chỉ đạo sản xuất hết diện tích vụ mùa, tổ chức sản xuất tăng vụ bù sản lượng bị thiếu do hạn hán; tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu phi, kiểm soát giết mổ động vật, bảo đảm an toàn dịch bệnh; theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, thiên tai nhất là tập trung ứng phó nguy cơ mưa lớn, sạt lở đất, lũ quét,... Tiếp tục tăng cường kiểm tra, tháo gỡ vướng mắc trong xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh triển khai thực hiện công tác di dời chuồng trại gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở; các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh.

4. Tiếp tục bám sát tình hình sản xuất của các doanh nghiệp, đặc biệt là các cơ sở công nghiệp trọng điểm để kịp thời tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh; tăng cường theo dõi tiến độ khắc phục, sửa chữa tại các nhà máy, hỗ trợ doanh nghiệp sớm ổn định và khôi phục công suất sản xuất; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, thúc đẩy tiêu dùng hàng hóa, sản phẩm địa phương; kịp thời triển khai có hiệu quả chính sách phát triển kinh tế tư nhân; tăng cường hỗ trợ sản xuất kinh doanh, khơi thông các động lực tăng trưởng mới; hỗ trợ số hóa sản phẩm OCOP, sản xuất nông nghiệp.

5. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm tiến độ giải ngân vốn đầu tư công của từng dự án theo kế hoạch từng tháng và theo cam kết đã ký với UBND tỉnh, nhất là các dự án trọng điểm, được xác định là động lực tăng trưởng năm 2025 của tỉnh, nhằm sớm đưa vốn ra nền kinh tế và khai thác hiệu quả cho tăng trưởng. Chỉ đạo các địa phương khẩn trương rà soát, hoàn thiện và triển khai thực hiện các hồ sơ đầu giá còn dang dở; chủ động bám sát chỉ đạo của các cơ quan cấp trên để kịp thời tổ chức thực hiện ngay sau khi có hướng dẫn mới.

6. Tập trung hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư gắn với sắp xếp bộ máy tinh gọn, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính; triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia là điểm “một cửa sổ”. Tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chuyển đổi số trên các trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; phát triển hạ tầng số, nền tảng dữ liệu.

7. Chủ động phòng, chống dịch bệnh; phòng ngừa, ứng phó, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai, sớm khôi phục sản xuất và



ổn định cuộc sống. Bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống; phát triển văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; tăng cường tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi.

8. Tăng cường hoạt động đối ngoại, tiếp tục xúc tiến hợp tác phát triển kinh tế biên mậu với các địa phương phía Trung Quốc (trọng tâm là với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây). Nắm bắt tình hình, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

## **II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRÊN TỪNG LĨNH VỰC**

### **1. Lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và xây dựng nông thôn mới**

Tiếp tục chỉ đạo các địa phương thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp thông minh theo hướng sản xuất hàng hóa đặc hữu gắn với chế biến; phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng ngành nông nghiệp 3,3% trong năm 2025. Hướng dẫn người dân thu hoạch vụ Đông Xuân, chuẩn bị gieo trồng vụ Hè - Thu và vụ Đông; tổ chức sản xuất tăng vụ bù sản lượng bị thiếu do hạn hán. Tăng cường phòng, chống sâu bệnh; tổ chức tập huấn chuyên môn, thẩm định điều kiện kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; triển khai thực hiện các nghị định của Chính phủ liên quan đến đất trồng lúa. Trong chăn nuôi, tiếp tục phát triển đàn gia súc, gia cầm, thực hiện tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh; tiếp tục triển khai Nghị quyết 44/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hướng dẫn phòng chống đói rét cho đàn vật nuôi, xử lý chất thải bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. Về lâm nghiệp, xây dựng Chương trình phát triển kinh tế rừng giai đoạn 2026-2030; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, thực hiện phòng cháy chữa cháy rừng; cập nhật diễn biến rừng, điều tra hiện trạng và định giá rừng.

Tăng cường kiểm tra, tháo gỡ vướng mắc trong xây dựng nông thôn mới tại các xã đăng ký đạt chuẩn giai đoạn 2021-2025; tổ chức Hội chợ xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP và Hội nghị phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2025; đẩy mạnh giám sát chất lượng, cấp chứng nhận HACCP, VietGAP; tuyên truyền mô hình tự quản an toàn thực phẩm; tổ chức các đợt kết nối thị trường, tiêu thụ nông sản; hỗ trợ thiết kế bao bì, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc cho các cơ sở sản xuất; xây dựng kế hoạch kiểm tra tình hình phát triển kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp; theo dõi, hướng dẫn các địa phương thực hiện hoạt động hỗ trợ sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

### **2. Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng**

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động và tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị hoạt động sản xuất, kinh doanh theo đúng quy định; kịp thời tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính liên quan. Chỉ đạo triển khai hiệu quả Kế hoạch số 3423/KH-UBND



ngày 11/12/2024 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Trung ương về phát triển công nghiệp quốc gia gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Rà soát, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; tăng cường quản lý hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất công nghiệp. Triển khai hiệu quả các hoạt động khuyến công, phê duyệt các đề án, kế hoạch khuyến công địa phương năm 2026; tổng kết hoạt động khuyến công giai đoạn 2021-2025 và xây dựng kế hoạch giai đoạn 2026-2030. Tổ chức phổ biến Luật Điện lực và các văn bản hướng dẫn thi hành; tăng cường kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động điện lực tại các nhà máy thủy điện và đơn vị phân phối điện; phê duyệt kế hoạch cung ứng điện và danh sách khách hàng quan trọng được ưu tiên cấp điện năm 2026; báo cáo tổng kết Chỉ thị số 12/CT-TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cấp điện cho các xóm chưa có điện giai đoạn 2021-2025.

Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tiếp nhận, tổ chức thẩm định dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục so với quy định. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025; triển khai các dự án khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng theo Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050. Xem xét, phê duyệt quyết định ban hành Quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

### **3. Phát triển thương mại - dịch vụ**

Ban hành các văn bản quản lý về chợ, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ, kế hoạch xúc tiến thương mại giai đoạn 2026-2030 và danh mục địa điểm, lĩnh vực ưu tiên tổ chức hội chợ triển lãm thương mại năm 2026. Xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả triển khai các chương trình, đề án, chiến lược phát triển thị trường trong nước và xúc tiến thương mại; kiểm tra việc chấp hành pháp luật tại một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, bảo hiểm, viễn thông, khí dầu mỏ hóa lỏng. Đẩy mạnh truyền thông đến các địa phương trong nước và các địa phương của Quảng Tây; phối hợp tổ chức Hội chợ thương mại cư dân biên giới giữa Cao Bằng với thành phố Sùng Tả và Bách Sắc (Trung Quốc); tham gia Hội chợ Trung Quốc - ASEAN (CAEXPO), Hội chợ Trung Quốc - Nam Á, Hội chợ xuất nhập khẩu Côn Minh 2025 và Hội chợ Việt - Lào EXPRO; tổ chức hội nghị tuyên truyền, tập huấn về quản lý nhà nước đối với chợ và kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục tăng cường quản lý chặt chẽ hoạt động xuất nhập khẩu, ngăn ngừa có hiệu quả các hành vi vi phạm, gian lận thương mại của các tổ chức, cá nhân; giải quyết thủ tục thông quan hàng hóa cho doanh nghiệp, chủ động xử lý các tình huống phức tạp có thể xảy ra. Chỉ đạo các đơn vị kinh doanh vận tải triển khai kế hoạch tổ chức các phương án vận tải hành khách, hàng hóa đảm bảo an toàn giao thông, thông suốt, đáp ứng nhu cầu của nhân dân.



#### **4. Cải cách hành chính; cải thiện, nâng cao năng lực cạnh tranh và khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể**

Đánh giá, phân tích, ban hành kế hoạch nâng cao, cải thiện các chỉ số PAR-INDEX, SIPAS, PAPI, PCI năm 2025. Thành lập Tổ công tác CCHC của tỉnh; sửa đổi, bổ sung đối tượng kiểm tra CCHC năm 2025; thành lập đoàn kiểm tra công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị. Xây dựng kế hoạch tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC năm 2025; xây dựng Bộ chỉ số CCHC năm 2025; Kế hoạch xác định chỉ số CCHC năm 2025 của các sở, ban ngành và UBND các xã, phường. Tổ chức hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh CCHC Nhà nước giai đoạn 2026-2030.

Quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ giải pháp tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và 2026; Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025. Tiếp tục cắt giảm đơn giản hóa hơn nữa TTHC, điều kiện đầu tư kinh doanh, trong đó tập trung vào lĩnh vực như; đất đai, xây dựng, thuế...; tuyên truyền người dân, doanh nghiệp về những tiện ích của chuyển đổi số; triển khai có hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; cập nhật kịp thời, triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội; tiếp tục hỗ trợ thành lập mới các HTX, tổ hợp tác; nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX hiện có. Tiếp tục thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư ngoài ngân sách; tháo gỡ những điểm nghẽn trong thu hút đầu tư, mở rộng tiếp xúc với các doanh nghiệp trong và ngoài nước,...

#### **5. Công tác quản lý, điều hành ngân sách, hoạt động tín dụng**

Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý thuế; tăng cường quản lý, khai thác nguồn thu, chống thất thu ngân sách, giảm nợ đọng thuế. Theo dõi sát tình hình thu ngân sách, hướng dẫn và đôn đốc người nộp thuế thực hiện đúng nghĩa vụ kê khai, nộp thuế. Thực hiện tốt công tác tổng hợp, phân tích, đánh giá tiến độ và dự báo thu ngân sách nhà nước. Quản lý chặt chẽ chi ngân sách nhà nước theo từng lĩnh vực, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục tiêu; ưu tiên nhiệm vụ chính trị trọng tâm và các chính sách an sinh xã hội. Tiếp tục triển khai xử lý tài chính - ngân sách khi tổ chức lại ĐVHC và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Xây dựng các nội dung trọng tâm giai đoạn 2026-2030 gồm: Kế hoạch tài chính 5 năm; quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia ngân sách giữa các cấp; quy định định mức phân bổ chi thường xuyên ngân



sách địa phương. Thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán, kết luận thanh tra tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Tiếp tục quán triệt nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Tỉnh ủy, UBND tỉnh về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Tổ chức lập kế hoạch giải ngân chi tiết từng dự án, phân công rõ trách nhiệm người đứng đầu; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; chỉ đạo các chủ đầu tư hoàn thành ký cam kết tiến độ giải ngân; kiểm tra, giám sát thực địa, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc. Kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân làm chậm tiến độ hoặc gây những nhiễu loạn trong quá trình thực hiện. Chỉ đạo chủ đầu tư tăng cường đôn đốc các nhà thầu thi công đẩy nhanh tiến độ, tổ chức nghiệm thu, thanh toán nhanh chóng theo quy định. Tiếp tục giao bổ sung vốn đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 (đợt 2) và kiện toàn ban chỉ đạo chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn.

Xây dựng tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động; hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thực hiện công tác sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định. Tập trung thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành, thực hiện tốt công tác xử lý, sắp xếp lại nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ; hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng quy định về xử lý tài chính, ngân sách nhà nước trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính.

Theo dõi sát diễn biến lãi suất, tỷ giá, thị trường ngoại hối và vàng; triển khai hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, hỗ trợ tiếp cận vốn tín dụng, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, đảm bảo hoạt động của các tổ chức tín dụng an toàn, lành mạnh. Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội và thúc đẩy cơ cấu lại hệ thống ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu. Đảm bảo đủ nguồn cung tiền mặt, cơ cấu mệnh giá hợp lý. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng, đảm bảo an toàn, bảo mật trong thanh toán điện tử.

## **6. Hoạt động quy hoạch, đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị**

Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24/11/2023; rà soát, kịp thời đề xuất điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn; thực hiện nhiệm vụ trong công tác lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình số 10-CTr/TU ngày 11/11/2021 của Tỉnh ủy về phát triển kết cấu hạ tầng, tập trung vào các lĩnh vực: giao thông, du lịch, cửa khẩu, đô thị và hạ tầng số. Tổ chức thực hiện Đề án tổng thể phát triển hệ thống cầu trên địa bàn tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án giao thông trọng điểm, đặc biệt là dự án cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP); hoàn thiện các thủ tục đầu tư trạm dừng nghỉ; phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án điều



chính theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 20/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ và xây dựng, trình phê duyệt giai đoạn 2 của dự án. Thường xuyên kiểm tra, rà soát, bảo trì các tuyến đường giao thông hiện có, đảm bảo an toàn, thuận lợi cho người dân đi lại và vận chuyển hàng hóa.

Chỉ đạo lập Đề cương, dự toán Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030, điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Cao Bằng đến năm 2030; xây dựng Kế hoạch phát triển hệ thống cấp nước, nâng cao tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch đô thị năm 2025; chỉnh sửa, hoàn thiện Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; làm việc với các Nhà đầu tư dự án phát triển đô thị để đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án phát triển đô thị.

## **7. Lao động việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội**

Tiếp tục triển khai hiệu quả các hoạt động hỗ trợ tạo và giải quyết việc làm thông qua các dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đẩy mạnh phát triển thị trường lao động trong tỉnh, trong nước và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tăng cường theo dõi, kiểm tra việc chấp hành pháp luật lao động, an toàn vệ sinh lao động tại các doanh nghiệp; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy chính trị. Tăng cường các giải pháp phát triển người tham gia BHXH, BHYT, BHTN nhằm nâng cao tỷ lệ bao phủ, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu HĐND tỉnh giao; đôn đốc thu kịp thời, xử lý dứt điểm nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN của các đơn vị sử dụng lao động theo quy định; thực hiện nghiêm quy trình giám định BHYT, đảm bảo quyền lợi cho người tham gia khi khám chữa bệnh. Triển khai các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa” nhân dịp kỷ niệm 78 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2025); tổ chức đưa đón đoàn đại biểu viếng nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn, Đường 9 (Quảng Trị); cử đại biểu tham dự Lễ kỷ niệm toàn quốc và gặp mặt người có công tiêu biểu năm 2025; tổ chức thăm, tặng quà tại 02 Trung tâm điều dưỡng thương binh thuộc Bộ Nội vụ. Triển khai các nhiệm vụ về bảo trợ xã hội, trẻ em, bình đẳng giới và phòng chống tệ nạn xã hội đảm bảo kịp thời và đúng quy định.

Chỉ đạo triển khai hiệu quả nguồn vốn chương trình giảm nghèo bền vững, đặc biệt là nguồn vốn kéo dài từ năm 2024; tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tại cơ sở; thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025 để đánh giá hiệu quả chương trình giai đoạn 2021-2025 và chuẩn bị tổng điều tra cho giai đoạn 2026-2030; đẩy nhanh việc hoàn thành mục tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát đảm bảo hoàn thành trước ngày 31/8/2025; ưu tiên bố trí nguồn lực hỗ trợ nhà ở cho thân nhân liệt sĩ và người có công với cách mạng, hoàn thành trước ngày 27/7/2025.

## **8. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân**

Tiếp tục thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và tỉnh về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số, nâng cao chất lượng hoạt động y tế cơ sở và sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Chủ



động giám sát, phát hiện sớm, ứng phó kịp thời với dịch bệnh, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm mùa hè - thu và các bệnh mới nổi.

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, nhất là tại tuyến y tế cơ sở; đảm bảo cung ứng thuốc kịp thời, đầy đủ, chất lượng; tăng cường kiểm tra, giám sát chuyên môn, an toàn sinh học, quản lý thuốc và hoạt động xét nghiệm. Đẩy mạnh chuyển đổi số ngành y tế, triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, điều phối dữ liệu y tế và thực hiện Đề án 06; tăng cường công tác truyền thông, cung cấp thông tin y tế.

Tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, việc thực hiện các quy định về chuyên môn, quản lý thuốc Methadone, các quy định của pháp luật về an toàn sinh học tại các phòng xét nghiệm. Duy trì thực hiện có hiệu quả các hoạt động Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số theo kế hoạch. Cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động khám chữa bệnh và chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được theo quy định.

### **9. Công tác Giáo dục - Đào tạo**

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 11/12/2024; các nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế theo Kế hoạch số 382-KH/TU ngày 31/10/2024 của Tỉnh ủy Cao Bằng về thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị; tiếp tục xây dựng Đề án nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2025 - 2030; Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Xây dựng chỉ tiêu trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2026 - 2030; đẩy mạnh nâng cao chất lượng giáo dục năm học mới 2025 - 2026. Tiếp tục rà soát quy hoạch mạng lưới trường lớp học, quan tâm củng cố, xây dựng trường nội trú, bán trú theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức tuyển dụng viên chức giáo dục năm 2025 đáp ứng yêu cầu dạy và học. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền về lợi ích của việc học nghề đối với lao động nông thôn, linh hoạt trong đào tạo nghề; đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chú trọng đào tạo nghề nghiệp gắn với phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

### **10. Hoạt động khoa học công nghệ, thông tin**

Tiếp tục triển khai Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 23/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 03/3/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 23/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tiếp tục quản lý, theo dõi, kiểm tra, nghiệm thu các



nhiệm vụ KH&CN đang triển khai; chỉ đạo thẩm định kinh phí, ký hợp đồng và phê duyệt các nhiệm vụ mới năm 2025; xác định danh mục nhiệm vụ thực hiện năm 2026. Xây dựng Đề án thành lập Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hoàn thiện Đề án phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học; triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị quyết số 93/2021/NQ-HĐND và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP; thực hiện Chiến lược và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ. Chỉ đạo tổ chức tập huấn, hướng dẫn vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc, áp dụng TCVN ISO 9001:2015; khảo sát, giám sát nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa; xây dựng kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất chất lượng giai đoạn 2026-2030. Tăng cường công tác truyền thông, duy trì và phát triển các mô hình nghiên cứu ứng dụng như Giảo cổ lam, nấm Đông trùng hạ thảo, Keo lai, giun quế, chanh dây...; thực hiện kiểm định phương tiện đo, đo điện trở nối đất hệ thống chống sét theo yêu cầu.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia; khắc phục hạ tầng viễn thông tại các vùng lõm sóng, vùng khó khăn, biên giới; rà soát, đề xuất Trung ương hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông. Hoàn thiện việc kết nối hệ thống chứng thực chữ ký số công cộng; vận hành ổn định, nâng cấp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; xây dựng, ban hành Quy chế quản lý, vận hành Nền tảng Công dân số Cao Bằng. Tổ chức các hoạt động học tập, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số; thực hiện gia hạn, thay đổi chứng thư số chuyên dùng trong hoạt động công vụ; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn chuyển đổi số.

### **11. Phát triển văn hóa, thể thao, du lịch và truyền thông**

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các đề án, kế hoạch trọng điểm như: Đề án phát triển văn hóa tinh thần người Cao Bằng, xây dựng tỉnh có chỉ số hạnh phúc nhất cả nước; trưng bày Bảo tàng tỉnh, sửa chữa Nhà trưng bày Khu di tích Pác Bó; chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện Đề án tổ chức các hoạt động kỷ niệm 85 năm Ngày Bác Hồ về nước lãnh đạo cách mạng Việt Nam (28/01/1941-28/01/2026) gắn với 65 năm Ngày Bác Hồ về thăm Cao Bằng (21/02/1961-21/02/2026); Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 156-KL/TW ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam; triển khai thực hiện Đề tài khoa học cấp tỉnh về nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống người Nùng Vền; thực hiện “Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình” tại huyện Hà Quảng; tổ chức biên soạn đề cương triển lãm kỷ niệm 80 năm Ngày Quốc khánh



nước CHXHCN Việt Nam (02/9/1945-02/9/2025),...Tổ chức tốt các sự kiện văn hóa - du lịch trong dịp hè và cuối năm; các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và kỷ niệm các ngày lễ lớn của tỉnh và đất nước. Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực thể dục thể thao trên địa bàn, tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao cấp tỉnh và tham gia các giải thể thao khu vực và toàn quốc; tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ công tác thể dục thể thao, công tác phòng chống đuối nước, trọng tài pickleball,...

Chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm phát triển du lịch - dịch vụ bền vững, như: triển khai các lớp bồi dưỡng về du lịch cộng đồng, du lịch bền vững, chuyển đổi số; kiểm tra, thẩm định cơ sở lưu trú theo kế hoạch. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá thông qua các chương trình, lễ hội du lịch tiêu biểu như Du lịch qua những miền di sản Việt Bắc, Lễ hội thác Bản Giốc, Hội thi ẩm thực “Món ngon miền Non nước”. Tăng cường hợp tác quốc tế, liên kết vùng, trong đó có phối hợp với thành phố Bách Sắc, Sùng Tả (Trung Quốc). Tổ chức Hội nghị đối thoại giữa UBND tỉnh với doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh; tổ chức Hội nghị đối thoại giữa UBND tỉnh với doanh nghiệp về phát triển du lịch, tổng kết các nội dung đột phá giai đoạn 2020-2025 và đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch. Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác chỉ đạo, định hướng thông tin, bảo đảm đúng định hướng chính trị, tư tưởng. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền quảng bá hình ảnh tỉnh; phối hợp chuẩn bị kỷ niệm 100 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam; hoàn thiện Đề án truyền thông hình ảnh tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2025-2030.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác chỉ đạo, định hướng thông tin, bảo đảm đúng định hướng chính trị, tư tưởng. Tăng cường tuyên truyền về Đại hội Đảng các cấp, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, cải cách hành chính và các vấn đề dư luận quan tâm; chủ động theo dõi, nắm bắt, xử lý thông tin trên báo chí, mạng xã hội,...

## **12. Công tác dân tộc, tôn giáo**

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách dân tộc, tôn giáo theo chỉ đạo của Trung ương; nắm chắc tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tình hình tôn giáo để kịp thời xử lý vấn đề phát sinh. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tổ chức tổng kết giai đoạn I, đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn II. Chỉ đạo, hướng dẫn cấp xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia sau khi kết thúc hoạt động cấp huyện; rà soát, sửa đổi, bổ sung văn bản hướng dẫn cho phù hợp thực tiễn.

Tiếp tục nắm tình hình hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh; đôn đốc chức sắc, chức việc tôn giáo thực hiện đúng quy định pháp luật; xử lý kịp thời các kiến nghị, phát sinh.



### **13. Công tác nội vụ, thanh tra, tư pháp**

Tiếp tục triển khai công tác tổ chức bộ máy, bố trí biên chế phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt. Xây dựng kế hoạch giao biên chế CBCCVC, hợp đồng lao động năm 2026. Kịp thời kiện toàn các tổ chức liên ngành; ban hành các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, hướng dẫn xây dựng Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, phường. Chuẩn bị các điều kiện phục vụ công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế gắn với việc cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC, nhất là ở cơ sở; thực hiện kịp thời, đầy đủ chế độ chính sách đối với CBCCVC, người lao động sau sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức lại ĐVHC; dự thảo Kế hoạch chỉnh lý tài liệu tồn đọng, tích đọng của các huyện, thành phố kết thúc hoạt động. Sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2021-2030; tổ chức hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch UBND tỉnh với thanh niên. Tiếp tục phát động và tổng kết các phong trào thi đua; kịp thời trình khen thưởng các thành tích xuất sắc; tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Cao Bằng lần thứ VI, góp phần thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Chỉ đạo tổ chức thực hiện các cuộc thanh tra đảm bảo chất lượng và tiến độ theo quy định; tổ chức tốt việc tiếp công dân, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài; tăng cường tuyên truyền, vận động và có biện pháp phù hợp không để công dân khiếu nại, tố cáo tập trung đông người gây mất an ninh trật tự. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện kê khai, bàn giao, công khai các bản kê khai tài sản thu nhập theo quy định.

Chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; hướng dẫn thực hiện Nghị định số 79/2025/NĐ-CP và rà soát văn bản liên quan đến Luật Dữ liệu; xây dựng báo cáo tổng kết cải cách thể chế giai đoạn 2021-2025, góp ý sửa đổi Hiến pháp năm 2013; tổ chức tuyên truyền pháp luật, tổng kết cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật” cho học sinh; triển khai Đề án chuyển đổi số trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật giai đoạn 2025-2030; thực hiện tốt công tác hộ tịch, chứng thực, nuôi con nuôi; nâng cấp phần mềm công chứng, chứng thực bản sao điện tử; kiểm tra hoạt động hành nghề công chứng, luật sư; tập huấn giám định tư pháp; đẩy mạnh hoạt động trợ giúp pháp lý; phối hợp giải quyết hợp đồng chuyển giao, góp phần tăng thu ngân sách.

### **14. Quản lý tài nguyên, môi trường; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu**

Chỉ đạo hoàn thành kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024; tiếp tục xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất năm 2025. Triển khai Đề án



phân loại, xử lý, tái chế chất thải giai đoạn 2024-2025; thực hiện điều tra, xử lý ô nhiễm môi trường đất tại một số điểm ô nhiễm trên địa bàn; hướng dẫn các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng thực hiện biện pháp xử lý phù hợp. Đồng thời, triển khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2025; đơn đốc đóng cửa các mỏ đã được phê duyệt; đảm bảo cung ứng vật liệu xây dựng cho Dự án cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh và các tuyến kết nối. Chỉ đạo vận hành hiệu quả các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân và vụ Mùa; theo dõi tình hình nguồn nước để có giải pháp điều tiết hợp lý.

Thực hiện quan trắc môi trường theo kế hoạch; bảo trì, vận hành các trạm quan trắc tự động; tăng cường kiểm tra công trình cấp nước nông thôn bảo đảm hiệu quả sau đầu tư; triển khai đúng tiến độ Dự án cấp nước vùng Lục Khu thuộc hợp phần Dự án quốc gia. Tổ chức kiểm tra, rà soát phương án phòng chống thiên tai, đảm bảo công tác ứng phó kịp thời trước mùa mưa bão; thực hiện thu, chi Quỹ phòng chống thiên tai năm 2025 đúng quy định.

#### **15. Hoạt động đối ngoại; công tác quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội**

Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch hoạt động đối ngoại năm 2025; tổ chức đoàn công tác tình thăm và làm việc tại Quảng Tây (Trung Quốc); thực hiện các thỏa thuận tại Chương trình Gặp gỡ đầu xuân và Hội nghị Ủy ban công tác liên hợp lần thứ 16; điều chỉnh, bổ sung Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại và các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy. Tiếp tục theo dõi tình hình, giải quyết các vấn đề phát sinh trên tuyến biên giới; hoàn thiện thủ tục nâng cấp, khôi phục thông quan các cửa khẩu: Pò Peo - Nhạc Vu, Hạ Lang - Khoa Giáp, Lý Vạn - Thạc Long; tiếp tục triển khai Chương trình trình học bổng của Quảng Tây cấp cho tỉnh Cao Bằng năm 2025,...

Tiếp tục duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc tình hình biên giới, nội địa; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định 03/2019/NĐ-CP của Chính phủ; tổ chức huấn luyện, luyện tập, kiểm tra sẵn sàng chiến đấu theo kế hoạch; triển khai xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu” - đơn vị điểm năm 2025; tham gia Hội thao thể dục thể thao quốc phòng cấp Quân khu. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2026, tuyển sinh quân sự năm 2025, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, chăm lo chế độ chính sách,... Xây dựng, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn công tác quốc phòng địa phương, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng - an ninh; chuẩn bị tổng kết Đề án xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025 và xây dựng Đề án “Xây dựng lực lượng, huấn luyện và bảo đảm chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026-2030”.

Chủ động nắm chắc tình hình và triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ tuyệt đối an toàn các đoàn cấp cao của Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Cao Bằng; chỉ đạo thực hiện các đợt cao điểm tấn công trấn áp, truy nã tội phạm; triệt phá các ổ nhóm tội phạm, từng



bước kiểm chế làm giảm các loại tội phạm. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự đảm bảo an toàn cuộc sống cho Nhân dân; tiếp tục triển khai các giải pháp, kế hoạch bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và an toàn thông tin mạng.

(Gửi kèm theo Báo cáo: Phụ lục tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ước 6 tháng năm 2025)

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng./

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CVNCTH;
- Lưu: VT, TH (TR).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Hải Hòa**



# PHỤ LỤC

## Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ước 6 tháng năm 2025

(Kèm theo Báo cáo số 1992 /BC-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng)

| ST<br>T | Chỉ tiêu                           | Đơn<br>vị<br>tính | Kế<br>hoạch<br>năm | 6 tháng năm 2025    |                                            |                                             | Báo cáo giải trình                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú                                                                                                                              |
|---------|------------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|         |                                    |                   |                    | Ước<br>thực<br>hiện | So với<br>cùng<br>kỳ<br>năm<br>2024<br>(%) | So với<br>kế<br>hoạch<br>năm<br>2025<br>(%) | Đánh giá/Nguyên nhân                                                                                                                                                                                                                                                   | Giải pháp/kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                      |
| I       | Chỉ tiêu về kinh tế                |                   |                    |                     |                                            |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                      |
| 1       | Tốc độ tăng trưởng GRDP            | %                 | 8                  | 7,8                 | +0,54                                      | -0,2                                        | Do kịch bản ban đầu được xây dựng trên các số liệu ước tính, chất lượng dự báo các chỉ tiêu tăng trưởng trong các khu vực kinh tế bộc lộ hạn chế, chưa sát với diễn biến thực tế nên ảnh hưởng đến việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng mà HĐND tỉnh giao | Trên cơ sở kết quả tăng trưởng kinh tế Quý I/2025, yêu cầu tăng tốc phát triển trong quý II/2025 và các tháng còn lại năm 2025 để đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm 8%, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1368/UBND-TH ngày 13/5/2025 về việc điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2025 và giao chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế quý II/2025 đối với 21 ngành kinh tế cấp 1 cho các sở, ban, ngành chịu trách nhiệm triển khai thực hiện và sẽ tiếp tục chỉ đạo sát sao đối với việc thực hiện kịch bản tăng trưởng, phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng 8% trên địa bàn tỉnh. | Số liệu Ước thực hiện là mục tiêu phấn đấu thực hiện đã đề ra tại Kịch bản tăng trưởng 6 tháng (+/- là mức tăng/giảm điểm % so sánh) |
| -       | Nông, lâm nghiệp, thủy sản         | %                 | 3,3                | 4,45                | -2,45                                      | +1,15                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                      |
| -       | Công nghiệp-xây dựng               | %                 | 11,4               | 10,29               | +0,61                                      | -1,11                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                      |
|         | + Công nghiệp                      | %                 | 12,9               | 2,24                | -23,4                                      | -10,66                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                      |
|         | + Xây dựng                         | %                 | 10,5               | 26,29               | +38,29                                     | +15,79                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                      |
| -       | Dịch vụ                            | %                 | 8,5                | 8,39                | +1,51                                      | -0,11                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                      |
| -       | Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | %                 | 8,6                | 6,58                | +1,66                                      | -2,02                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                      |



| ST<br>T | Chỉ tiêu                                                                         | Đơn<br>vị<br>tính | Kế<br>hoạch<br>năm | 6 tháng năm 2025    |                                            |                                             | Báo cáo giải trình                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ghi chú |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|         |                                                                                  |                   |                    | Ước<br>thực<br>hiện | So với<br>cùng<br>kỳ<br>năm<br>2024<br>(%) | So với<br>kế<br>hoạch<br>năm<br>2025<br>(%) | Đánh giá/Nguyên nhân                                                                                                                                   | Giải pháp/kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |         |
| 2       | GRDP bình quân đầu người                                                         | Triệu đồng        | 60                 | -                   | -                                          | -                                           | Đây là chỉ tiêu thống kê do Cục Thống kê tính và công bố số liệu vào cuối năm                                                                          | UBND tỉnh giao sở, ngành chuyên môn chủ động phối hợp với Chi cục Thống kê bám nắm và cập nhật số liệu khi Cục Thống kê công bố, báo cáo tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 của HĐND tỉnh                                                                                                                                               |         |
| 3       | Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha)    | Triệu đồng        | 50                 | -                   | -                                          | -                                           | Chỉ tiêu này do Chi cục Thống kê tính toán vào cuối năm 2025                                                                                           | UBND tỉnh giao sở, ngành chuyên môn chủ động phối hợp với Chi cục Thống kê bám nắm và cập nhật số liệu khi Cục Thống kê công bố, báo cáo tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 của HĐND tỉnh                                                                                                                                               |         |
| 4       | Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn (bao gồm cả giá trị hàng hóa giám sát) | Triệu USD         | 900                | 721,895             | 142,7                                      | 80,2                                        | Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn đạt kết quả tích cực; kim ngạch hàng hóa mở tờ khai và giá trị hàng hóa giám sát đều tăng cao so với cùng kỳ | UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu thông qua cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường phối hợp giữa các lực lượng chức năng tại cửa khẩu nhằm rút ngắn thời gian thông quan; đồng thời chủ động nắm bắt tình hình thị trường, hỗ |         |
|         | Trong đó:                                                                        |                   |                    |                     |                                            |                                             |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |
| 4.1     | Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn                                        | Triệu USD         | 710                | 204,2               | 188,9                                      | 85,3                                        |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |
| 4.2     | Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn                                        | Triệu USD         |                    | 401,53              | 117,4                                      |                                             |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |
| 4.3     | Giá trị hàng hóa Giám sát                                                        | Triệu USD         | 190                | 116,165             | 113,7                                      | 61,1                                        |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |



| ST<br>T | Chỉ tiêu                                                                                     | Đơn<br>vị<br>tính | Kế<br>hoạch<br>năm | 6 tháng năm 2025    |                                            |                                             | Báo cáo giải trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|         |                                                                                              |                   |                    | Ước<br>thực<br>hiện | So với<br>cùng<br>kỳ<br>năm<br>2024<br>(%) | So với<br>kế<br>hoạch<br>năm<br>2025<br>(%) | Đánh giá/Nguyên nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Giải pháp/kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |
|         |                                                                                              |                   |                    |                     |                                            |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |         |
| 5       | Thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không bao gồm số bổ sung từ NSTW)                       | Tỷ đồng           | 2.089              | 2.290               | 178                                        | 109,6                                       | Tình hình thu ngân sách trên địa bàn đạt kết quả tích cực. Tuy nhiên, một số khoản thu ước đạt thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (28%); thu tiền sử dụng đất (43%); Bán, cho thuê nhà ở thuộc SHNN (34,2%); Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích...tại xã (19,2%); thuế bảo vệ môi trường (23,1%); Thu hồi vốn, lợi nhuận, chênh lệch thu chi của NHNN (1,8%) | UBND tỉnh chỉ đạo tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp như: tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu và thu hồi nợ đọng thuế; rà soát, đánh giá lại các khoản thu chưa đạt tiến độ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; phối hợp chặt chẽ giữa các ngành chức năng và chính quyền địa phương trong việc đôn đốc thu; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước theo dự toán được giao |         |
| -       | Trong đó:<br>Thu nội địa                                                                     | Tỷ đồng           | 1.399              | 974,1               | 144                                        | 69,6                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |         |
| -       | Thu thuế xuất, nhập khẩu                                                                     | Tỷ đồng           | 690                | 1.296               | 219                                        | 188                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |         |
| 6       | Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng thêm (Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá hiện hành) | %                 | 11                 | -                   | -                                          | -                                           | Quý I năm 2025 ước tính Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 2.194,41 tỷ đồng, bằng 17,4% KH HĐND tỉnh giao, tăng 31,2% so với cùng kỳ năm trước                                                                                                                                                                                                                                                        | UBND tỉnh chỉ đạo tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, nhất là các dự án trọng điểm, công trình chuyển tiếp;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |         |



| ST<br>T | Chỉ tiêu                                                                             | Đơn<br>vị<br>tính | Kế<br>hoạch<br>năm | 6 tháng năm 2025    |                                            |                                             | Báo cáo giải trình                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú                               |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|         |                                                                                      |                   |                    | Ước<br>thực<br>hiện | So với<br>cùng<br>kỳ<br>năm<br>2024<br>(%) | So với<br>kế<br>hoạch<br>năm<br>2025<br>(%) | Đánh giá/Nguyên nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Giải pháp/kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                       |
|         |                                                                                      |                   |                    |                     |                                            |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư và đấu thầu; tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; khuyến khích, thu hút các nguồn lực xã hội, đặc biệt là đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các dự án đã cam kết. |                                       |
| 7       | Giao thông                                                                           |                   |                    |                     |                                            |                                             | Tỷ lệ bê tông hóa, nhựa hóa đạt thấp so với mục tiêu do HĐND tỉnh giao. Nguyên nhân do thiếu nguồn lực và chưa tập trung được vốn để ưu tiên đầu tư hiệu quả, mặt khác, nhiều tuyến đường huyện, xã đã xuống cấp, hư hỏng nhưng chưa có nguồn lực sửa chữa, không còn đáp ứng tiêu chí nhựa hóa; một | UBND tỉnh tập tiếp tục chỉ đạo các ngành, địa phương tập trung ưu tiên bố trí vốn sự nghiệp giao thông để cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn; đồng thời, lồng ghép nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia để sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường thiết yếu, nhất là các tuyến đến trung tâm xã chưa được cứng hóa.                                                                      | (±/- là mức tăng/giảm điểm % so sánh) |
|         | Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/ bê tông hóa mặt đường | %                 | 85                 | 64,3                | 102,1                                      | -20,7                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                       |
|         | Tỷ lệ xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/ bê tông hóa                        | %                 | 100                | 94                  | -                                          | -6                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                       |



| ST<br>T   | Chỉ tiêu                                                        | Đơn<br>vị<br>tính  | Kế<br>hoạch<br>năm | 6 tháng năm 2025    |                                            |                                             | Báo cáo giải trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                 |                    |                    | Ước<br>thực<br>hiện | So với<br>cùng<br>kỳ<br>năm<br>2024<br>(%) | So với<br>kế<br>hoạch<br>năm<br>2025<br>(%) | Đánh giá/Nguyên nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Giải pháp/kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |         |
|           |                                                                 |                    |                    |                     |                                            |                                             | số tuyển mới chỉ là đường<br>cấp phối.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |
| <b>II</b> | <b>Chỉ tiêu văn hóa – xã<br/>hội</b>                            |                    |                    |                     |                                            |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |
| 8         | Xây dựng trường<br>chuẩn quốc gia tăng<br>thêm                  | Trường<br>g        | 7                  | -                   | -                                          | -                                           | Đây là chỉ tiêu đánh giá,<br>công nhận tập trung vào<br>cuối năm. Tuy nhiên, qua<br>công tác tư vấn xây dựng<br>trường đạt chuẩn quốc<br>gia, từ đầu năm đến nay<br>có 4 trường đủ điều kiện<br>đề nghị công nhận mới<br>đạt chuẩn quốc gia; còn 3<br>trường chưa đủ điều kiện<br>đạt chuẩn theo kế hoạch<br>HĐND tỉnh giao do chưa<br>đảm bảo các tiêu chí về cơ<br>sở vật chất, thiết bị | UBND tỉnh chỉ đạo ngành Giáo<br>dục tập trung chỉ đạo các trường<br>chưa đạt chuẩn khẩn trương<br>khắc phục những tiêu chí còn<br>thiếu, đặc biệt là về cơ sở vật<br>chất và thiết bị dạy học. Huy<br>động, lồng ghép các nguồn lực<br>để đầu tư nâng cấp trường lớp;<br>phối hợp chặt chẽ với địa<br>phương trong kiểm tra, hoàn<br>thiện hồ sơ công nhận. Tăng<br>cường kiểm tra, kịp thời tháo gỡ<br>khó khăn,... |         |
| 9         | Y tế                                                            |                    |                    |                     |                                            |                                             | Duy trì 15 Bác sỹ/vạn<br>dân; 35 giường bệnh/vạn<br>dân. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn<br>quốc gia về y tế xã là chỉ<br>tiêu đánh giá, công nhận<br>tập trung vào cuối năm.<br>Đến hết năm 2024, tỷ lệ<br>số xã đạt chuẩn quốc gia                                                                                                                                                                 | UBND tỉnh chỉ đạo Sở y tế và<br>các ngành, địa phương liên<br>quan tiếp tục đôn đốc, hướng<br>dẫn các đơn vị trực thuộc thực<br>hiện các nhiệm vụ chuyên môn<br>trong tiêu chí quốc gia về y tế,<br>chuẩn bị hồ sơ thủ tục để đánh<br>giá tiêu chí theo quy định của                                                                                                                                                 |         |
| -         | Số bác sỹ/1 vạn dân                                             | Bác<br>sỹ          | 15                 | 15                  | 100                                        | 100                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |
| -         | Số giường bệnh/1 vạn<br>dân (không tính<br>giường trạm y tế xã) | giườn<br>g<br>bệnh | 35                 | 35                  | 100                                        | 100                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |
| -         | Tỷ lệ số xã đạt chuẩn<br>quốc gia về y tế xã                    | %                  | 94,4               | -                   | -                                          | -                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |



| ST<br>T | Chỉ tiêu                            | Đơn<br>vị<br>tính | Kế<br>hoạch<br>năm | 6 tháng năm 2025    |                                            |                                             | Báo cáo giải trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú                               |
|---------|-------------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|         |                                     |                   |                    | Ước<br>thực<br>hiện | So với<br>cùng<br>kỳ<br>năm<br>2024<br>(%) | So với<br>kế<br>hoạch<br>năm<br>2025<br>(%) | Đánh giá/Nguyên nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Giải pháp/kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                       |
|         |                                     |                   |                    |                     |                                            |                                             | về y tế xã của tỉnh đạt 91,3%.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bộ Y tế; phần đầu thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch HĐND tỉnh giao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                       |
| -       | Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế | %                 | 98,7               | 91,5                | -2                                         | -7,2                                        | Tỷ lệ bao phủ BHYT 6 tháng đầu năm đạt khá thấp so với mục tiêu kế hoạch HĐND tỉnh giao. Nguyên nhân chủ yếu là do: Thị trường lao động trong tỉnh còn hạn chế; nhiều lao động chuyển sang làm việc ngoài tỉnh; thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP làm giảm số lượng tham gia; một bộ phận người dân còn khó khăn, thu nhập thấp, chưa nhận thức đầy đủ về chính sách; thiếu thuốc, vật tư y tế tại một số cơ sở ảnh hưởng đến niềm tin vào BHYT. | UBND tỉnh chỉ đạo các sở ngành, địa phương tăng cường thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh; tiếp tục rà soát, phát triển đối tượng tham gia, nhất là lao động khu vực phi chính thức; Đẩy mạnh vận động người dân tham gia BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình; Cải thiện chất lượng khám chữa bệnh BHYT, đảm bảo cung ứng thuốc, vật tư y tế; Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ mức đóng, tạo điều kiện cho người dân tham gia bảo hiểm. | (+/- là mức tăng/giảm điểm % so sánh) |
| 10      | Văn hóa                             |                   |                    |                     |                                            |                                             | Đây là chỉ tiêu đánh giá, công nhận vào cuối năm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                       |
| -       | Tỷ lệ gia đình văn hóa              | %                 | 85                 | -                   | -                                          | -                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                       |



| ST<br>T | Chỉ tiêu                                              | Đơn<br>vị<br>tính | Kế<br>hoạch<br>năm | 6 tháng năm 2025    |                                            |                                             | Báo cáo giải trình                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ghi chú |
|---------|-------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|         |                                                       |                   |                    | Ước<br>thực<br>hiện | So với<br>cùng<br>kỳ<br>năm<br>2024<br>(%) | So với<br>kế<br>hoạch<br>năm<br>2025<br>(%) | Đánh giá/Nguyên nhân                              | Giải pháp/kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |         |
| -       | Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa | %                 | 95                 | -                   | -                                          | -                                           |                                                   | “Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2025. Phần đầu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực văn hóa của HĐND tỉnh giao                                                                                                                                                                                                                                           |         |
| -       | Tỷ lệ khu dân cư văn hóa                              | %                 | 60                 | -                   | -                                          | -                                           |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |         |
| -       | Tỷ lệ khu dân cư có nhà văn hóa                       | %                 | 97,3               | -                   | -                                          | -                                           |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |         |
| 11      | Giảm tỷ lệ hộ nghèo                                   | %                 | 4                  | -                   | -                                          | -                                           | Đây là chỉ tiêu đánh giá, công nhận vào cuối năm. | Tiếp tục chỉ đạo triển khai hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Phần đầu thực hiện hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo của HĐND tỉnh giao                                                                                                                                                                                                                             |         |
| 12      | Lao động việc làm                                     |                   |                    |                     |                                            |                                             | Đây là chỉ tiêu đánh giá, công nhận vào cuối năm. | Tiếp tục đẩy mạnh công tác định hướng nghề nghiệp, tư vấn đào tạo nghề và giới thiệu việc làm để phần đầu đạt chỉ tiêu theo Kế hoạch đề ra. Trong đó, trọng tâm là triển khai hiệu quả Kế hoạch số 1600/KH-UBND ngày 02/6/2025 về triển khai thực hiện công tác phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng lao động nông thôn tỉnh Cao Bằng năm 2025. Phần đầu thực hiện đạt và vượt các |         |
| -       | Tỷ lệ lao động qua đào tạo                            | %                 | 51,2               | -                   | -                                          | -                                           |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |         |
|         | Trong đó: Tỷ lệ qua đào tạo nghề                      | %                 | 40                 | -                   | -                                          | -                                           |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |         |
| -       | Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị                         | %                 | 3                  | -                   | -                                          | -                                           |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |         |



| ST<br>T | Chỉ tiêu                                                | Đơn<br>vị<br>tính | Kế<br>hoạch<br>năm | 6 tháng năm 2025    |                                            |                                             | Báo cáo giải trình                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ghi chú                                        |
|---------|---------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
|         |                                                         |                   |                    | Ước<br>thực<br>hiện | So với<br>cùng<br>kỳ<br>năm<br>2024<br>(%) | So với<br>kế<br>hoạch<br>năm<br>2025<br>(%) | Đánh giá/Nguyên nhân                                                                                                                                                                            | Giải pháp/kiến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                |
|         |                                                         |                   |                    |                     |                                            |                                             |                                                                                                                                                                                                 | chỉ tiêu thuộc lĩnh vực lao động<br>việc làm của HĐND tỉnh giao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                |
| 13      | Số xã công nhận đạt<br>tiêu chí NTM tăng<br>thêm        | xã                | 13                 | 0                   | 0                                          | 0                                           | Đây là chỉ tiêu đánh giá,<br>công nhận vào cuối năm                                                                                                                                             | UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các<br>ngành, địa phương tăng cường<br>kiểm tra, tháo gỡ vướng mắc<br>trong xây dựng nông thôn mới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                |
| 14      | Tỷ lệ che phủ rừng                                      | %                 | 60                 | 54,56               | -                                          | -5,44                                       | Đây là chỉ tiêu đánh giá,<br>công nhận vào cuối năm<br>Đến hết năm 2024, tỷ lệ<br>che phủ rừng của tỉnh đạt<br>54,56%; thấp hơn 5,44%<br>so với mục tiêu kế hoạch<br>HĐND tỉnh giao năm<br>2025 | UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các<br>cấp, các ngành thực hiện hỗ trợ<br>trồng rừng sản xuất, trồng rừng<br>phòng hộ, nhất là tại các vùng<br>có điều kiện kinh tế xã hội đặc<br>biệt khó khăn, thực hiện tốt các<br>biện pháp kỹ thuật lâm sinh làm<br>giàu rừng tự nhiên; thực hiện<br>nghiêm túc trách nhiệm trong<br>việc kiểm tra, ngăn chặn kịp<br>thời các trường hợp phá rừng,<br>lấn chiếm đất lâm nghiệp và<br>khai thác lâm sản trái phép trên<br>địa bàn. | (+/- là mức<br>tăng/giảm<br>điểm % so<br>sánh) |
| 15      | Tỷ lệ dân cư thành thị<br>được dùng nước sạch           | %                 | 100                | 87,6                | -                                          | -12,4                                       | Đây là chỉ tiêu đánh giá,<br>công nhận vào cuối năm.<br>Đến hết năm 2024, tỷ lệ<br>dân cư thành thị được<br>dùng nước sạch đạt                                                                  | UBND tỉnh ban hành kế hoạch<br>về phát triển hệ thống cấp nước,<br>nâng cao tỷ lệ dân cư được sử<br>dụng nước sạch tại các đô thị và<br>tỷ lệ dân cư được sử dụng nước                                                                                                                                                                                                                                                                                            | (+/- là mức<br>tăng/giảm<br>điểm % so<br>sánh) |
|         | Tỷ lệ dân cư nông<br>thôn được dùng nước<br>hợp vệ sinh | %                 | 95                 | 94                  | -                                          | -1                                          |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                |



| ST<br>T | Chỉ tiêu                                                                        | Đơn<br>vị<br>tính | Kế<br>hoạch<br>năm | 6 tháng năm 2025    |                                            |                                             | Báo cáo giải trình                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                               | Ghi chú                               |
|---------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|         |                                                                                 |                   |                    | Ước<br>thực<br>hiện | So với<br>cùng<br>kỳ<br>năm<br>2024<br>(%) | So với<br>kế<br>hoạch<br>năm<br>2025<br>(%) | Đánh giá/Nguyên nhân                                                                                                                                                                                             | Giải pháp/kiến nghị                                                                                                           |                                       |
|         |                                                                                 |                   |                    |                     |                                            |                                             | 87,6% (thấp hơn 12,4 điểm % so với chỉ tiêu kế hoạch HĐND tỉnh giao năm 2025); tỷ lệ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 94% (thấp hơn 12,4 điểm % so với chỉ tiêu kế hoạch HĐND tỉnh giao năm 2025) | hợp vệ sinh tại nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025; phần đầu thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch HĐND tỉnh giao |                                       |
| 16      | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT | %                 | 92,6               | -                   | -                                          | -                                           | Đây là chỉ tiêu đánh giá, công nhận vào cuối năm.                                                                                                                                                                |                                                                                                                               |                                       |
|         | Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý                      | %                 | 100                | 87,5                | -                                          | -12,5                                       | Ước 6 tháng đầu năm, tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 87,5% (thấp hơn 12,5 điểm % chỉ tiêu KH HĐND tỉnh giao)                                                                      | Phần đầu thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch HĐND tỉnh giao                                                                | (+/- là mức tăng/giảm điểm % so sánh) |